

針灸大成

明. 楊繼洲 著

Châm cứu đại thành

Dương Kế Châu

đời nhà Minh trước tác

卷十

Quyển 10

保嬰神術 按摩經

BẢO ANH THẦN THUẬT - ÁN MA KINH

Lê Văn Sừu

Dịch xong 4 - 1986

Lê Trung Tú vẽ hình và trình bày

Thursday, May 15, 2008



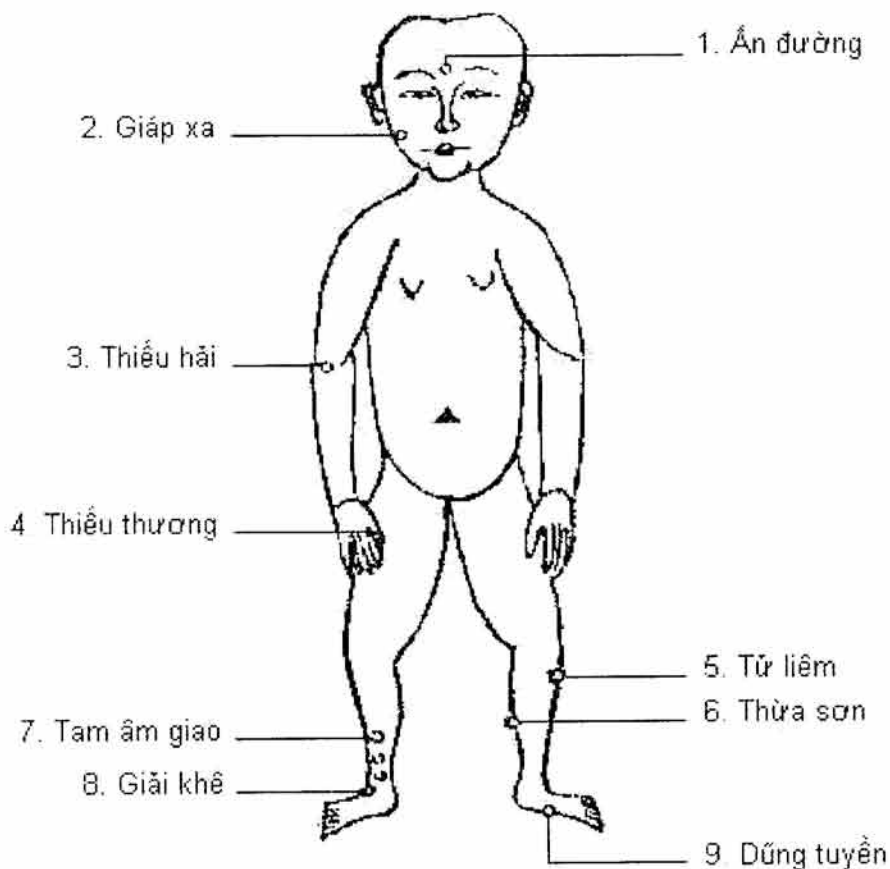
MỤC LỤC

Yếu huyết đồ.....	3
Thủ pháp ca.....	4
Quan hình sát sắc pháp	6
Luận sắc ca.....	7
Nhận cân pháp ca.....	7
Diện bộ ngũ vị ca.....	8
Mệnh môn bộ vị ca	9
Dương chương đồ các huyết thủ pháp tiên quyết.....	9
Âm chương đồ các huyết thủ pháp tiên quyết	12
Tiểu nhi châm (Dụng hào châm ngải trụ như tiểu mạch hoặc duy tước đại).....	14
Giới nghịch châm cứu (Vô bệnh nhi tiên châm cứu viết nghịch).....	15
Sơ sinh điều hộ.....	15
Diện sắc đồ ca.....	16
Sát sắc nghiệm bệnh sinh tử quyết.....	17
Thang thị ca	18
Nội bát đoạn cầm	18
Ngoại bát đoạn cầm	19
Nhập môn ca.....	19
Tam quan lục cân chương văn đầu trừu đồ.....	20
Tam quan	21
Yếu quyết.....	31
Thủ quyết.....	33
Thủ pháp trị bệnh quyết.....	33
Thủ lục cân (Tùng đại chỉ biên hướng lý sở dã).....	36
Thủ diện đồ	37
Kháp túc quyết (Phạm kháp nam tả thủ hữu túc nữ hữu thủ tả túc)	37
Đầu trừu đồ - Cốc huyết đồ	38
Trị tiểu nhi chư kinh thôi nhu đẳng pháp.....	39
Bổ di.....	44
Chư huyết trị pháp	45
Bệnh chứng tử sinh ca.....	45
Biện tam quan	46
Anh đồng tập chứng.....	46
Chẩn mạch ca.....	48
Thức bệnh ca.....	48
Còn các mục không định là: (Chưa dịch)	50
- Chư chứng trị pháp. 諸症治法	50
- Trần thị kinh mạch biện sắc ca. 陳氏經脈辨色歌	50
- Luận hư thực nhi chứng ca. 論虛實二症歌	50
- Ngũ ngôn ca. 五言歌	50
- Phụ biện. 附辯	50
- Ích.	50

Yếu huyết đồ

要穴圖

- 1- Ấn Đường: Trị kinh phong, bất ngữ nói chung.
- 2- Giáp Xa: Trị kinh bất ngữ.
- 3- Thiếu Hải: Trị kinh phong.
- 4- Thiếu Thương.
- 5- Tử Liêm: Trẻ em kinh duỗi, bấm day.
- 6- Thừa sơn: Trị khí hồng (Thở rống lên), kiêm phát nóng.
- 7- Tam Âm Giao: Trị kinh phong.
- 8- Giải Khê: Trị trẻ em nội điều, nắn bấm ở đó.
- 9- Dũng Tuyền: Trị kinh, thổ tả. Bấm day. Trai thì nắn xoay trái chỉ thổ, nắn xoay phải chỉ tả (Gái thì ngược lại)



YẾU HUYỆT ĐỒ

Phép lấy huyết ghi không đủ, xem ở quyển châm thì rất rõ ràng.

Bấm ở trẻ nhỏ thì không có quan hệ gì tới thất tình, không ở can kinh thì ở Tỳ kinh, không ở Tỳ kinh tất ở Can kinh, là bệnh tật thường ở 2 tạng Can, Tỳ. Đó là yếu quyết vậy.

Cấp kinh phong thuộc Can mộc, chứng phong tà có dư trị thì nên dùng các vị Thanh, Lương, Khô, hàn thổ tả khí hóa đàm. Chứng thấy là nghe tiếng gỗ mà sợ, hoặc cảm thứ hình ngựa, lừa kêu liên mặt xanh miệng cắn chặt, hoặc nghe ngựa hí thì khóc mà cứng lạnh người. Qua cơn đó thì sắc mặt đỏ do khí nhiệt dẫn vào trong miệng mũi, phân ỉa ra màu vàng đỏ, tỉnh táo, không ngủ được. Cái sốt rất cao thì sinh đờm, đờm tỉnh thì sinh phong, cũng có ngẫu nhiên do sợ mà sinh ra.

Trong thì uống trần kinh thanh đàm thang, ngoài thì dùng phép bấm, xoa, ấn huyết, không lý gì không khỏi.

Đến như mãn kinh phong, thuộc chứng Tỳ thổ trung khí bất túc, chữa thì nên hòa trung, dùng thanh can ôn bổ trung tình trạng ấy thường bởi ăn uống không điều độ, tổn thương Tỳ, Vị, đã ỉa chảy kéo dài, trung khí rất hư, mà phát thành giật, phát thì không ngừng dứt, làm mình lạnh, mắt vàng, không khát, thở hơi lạnh trong, miệng mím, phân và nước tiểu trong trắng, ngủ mệt mờ mắt, mắt nhìn ngược, tay chân co dúm, gân mạch co quắp, cái Tỳ hư thì sinh phong. Phong thịnh thì gân cấp, tục gọi là THIÊN ĐIỀU PHONG, chính là chứng đó.

Chữa là nên bổ trung là chính, nhưng lấy phép bấm, xoa, ấn day huyết, vận dụng tí mĩ có thể giữ được cả mười.

Có khi thổ tả chữa thành mãn kinh, cấp dùng bài thuốc kiện Tỳ dưỡng Vị, ngoài thì dùng thủ pháp ấn bấm đối chứng với kinh huyết, mạch lạc điều hòa, kể đó không gây đến thành mạn kinh phong được. Nếu như có chứng nào đó, huyết pháp nói rõ ở sau, gặp thì chọn ở đó.

Thủ pháp ca

手法歌

- Tâm kinh có nhiệt làm đàm mê.
Thiên Hà Thủy làm cho chảy tràn đi.
- Can kinh có bệnh trẻ em thường khóc nhè.
Đẩy ở Tỳ Thổ bệnh sẽ trừ.
- Tỳ kinh có bệnh ăn không tiến.
Đẩy ở Tỳ Thổ hiệu rất ứng.
- Phế kinh bị gió ho hắng nhiều.
Thì ấn xoa lâu ở Phế kinh.
- Thận kinh có bệnh tiểu tiện tắc.
Đẩy ở Thận Thủy thì cứu được.
- Tiểu Trường có bệnh khí lại công.
Ấn day Bản Môn, Hoàn Môn sẽ thông.
- Dùng Tâm ghi huyết huyết Tĩnh Ninh đó.
Gặp phải chứng nguy nhanh như gió.
- Đàm kinh có bệnh làm miệng đắng.
Nhớ ngay phép điều đẩy Tỳ Thổ.
- Đại Trường có bệnh làm ỉa nhiều.
Xoa lâu Tỳ Thổ và Đại Trường.
- Bàng quang có bệnh làm chứng lậu.
Thận Thủy, Bát Quái, vận ở Thiên Hà.

- Vị kinh có bệnh nôn mửa nhiều.
 Đẩy ở Tỳ Thổ, Phế kinh sẽ điều hòa.
 - Tam Tiêu có bệnh nóng lạnh như ma.
 Thiên Hà quá Thủy không sợ nhâm lẫn.
 - Mệnh Môn có bệnh thì nguyên khí hao.
 Phải đẩy Bát Quái, ở Tỳ Thổ và Đại Trường.
 - Tiên sư dạy tôi châm khẩu quyết.
 Tôi nguyện đem thêm mạng thọ cho trẻ em !

Ngũ tạng, Lục phủ là gốc bị bệnh.
 Cần theo thủ pháp đẩy thì khỏi.
 Số lần rõ ràng không thể loạn.
 - Phế kinh, có bệnh, bấm bấm cạnh Phế kinh.
 - Tâm kinh có bệnh, bấm Thiên Hà Thủy.
 - Ỉa chảy, bấm Đại Trường, đẩy ở Tam Quan.
 - Mất mồ cằn bấm Thận Thủy thâm.
 Lại có Hoành Văn, số là 10 lần.
 Kiềm Thiên Hà nữa cộng tốt trọn vẹn.
 - Đau đầu đẩy ở Tam Quan.
 Lại bấm Hoành Văn và Thiên Hà.
 Lại nhớ day ở Thiên Tam mấy lần.
 Công hiệu chỉ trong thời gian ngắn.
 - Đau răng cần day huyết Thận Thủy.
 Đẩy ở Giáp Xa tự nhiên ca.
 - Thương phong tắc mũi huyết Thiên Hà.
 Đẩy tổng Can, đẩy ở Tỳ Thổ 700 lần.
 - Tai ù thường do Thận Thủy hao.
 Bấm ở huyết Thận Thủy, Thiên Hà Thủy.
 Kiềm là 900 lần ở Phong Trì.
 Lại bấm cạnh dưới của Dái Tai.
 - Ho hắng đều đều là bị phong hàn.
 Trước cần lấy hãn Xuất Điện ở cánh tay.

Thứ lấy Phế kinh, trong Hoành Văn.
 Ở chỗ Cung Càn cần vận thuận vòng tròn.
 - Tâm kinh có nhiệt, vận Thiên Hà.
 - Lục phủ có nhiệt đẩy Bản Khoa (Chỗ lục phủ)
 - Ăn uống không tiến đẩy Tỳ Thổ.
 - Nước tiểu ngắn, ít bấm nhiều ở Thận.
 - Đại Trường làm ỉa chảy phải vận đi.
 Đại Trường, Tỳ thổ bệnh sẽ trừ.
 Thứ lấy Thiên Môn vào Hồ Khẩu.
 Day rốn, Quy Vĩ 700 cái.

- Bụng đau, thường bởi khí hàn công.
 Thường đau Tam Quan, vận Hoành Văn.
 Giữa rốn thường day chừng mười lượt.
 Thiên Môn, Hồ Khẩu cùng (day) mười lần.
 - Bệnh đau mắt hỏa day Tam Quan.
 Làm 120 lần liên.
 Lục phủ thò lùi 400 lượt.
 Lại đẩy Thận Thủy tròn 400 (lần).
 Kiên lấy Thiên Hà 500 luôn.
 Cuối cùng bỏ Tỳ Thổ 100 là hết.

Khẩu truyền bút ghi quyết đẩy tay.
 Giúp cho nhân gian dùng Tham Khảo.

Quan hình sát sắc pháp

觀形察色法

(Phép xem xét hình sắc)

Phạm xem bệnh trẻ nhỏ, trước là xem hình sắc, sau mới xem mạch. Cái sắc khí của bộ mặt, nhìn chung 5 chỗ đều xanh là cái kinh không tan, muốn phát thành chứng phong. Cả 5 chỗ đều đỏ làm Đàm tích tỏa thịnh, hồi hộp, sợ hãi không yên, dễ ỉa, dễ mửa, 5 chỗ đều đen là tạng phủ muốn tuyệt bệnh nguy !

Mặt xanh, mắt xanh là bệnh Can.

Mặt đỏ là bệnh Tâm.

Mặt vàng là bệnh Tỳ.

Mặt trắng là bệnh Phế.

Mặt đen là bệnh Thận.

Trước hết là phân tích bệnh ở 5 tạng có cái nào là chủ, là thứ, biểu lý, hư thực.

- Bệnh Can chủ phong: Thực thì mắt trợn ngược, gào to, cổ gáy cứng và buồn bần. Hư thì cắn răng, thờ mạch, hơi nóng là do ngoại sinh, hơi ấm là do nội sinh.
- Bệnh Tâm chủ kinh: Thực thì nên kêu khóc, phát sốt, uống nước mà run rẩy chân tay đơng đưa, hư thì khó nằm, sợ hãi không yên.
- Bệnh Tỳ chủ khốn: Thực thì khó ngủ, mình sốt, không nghĩ đến ăn, bú. Hư thì ỉa, nửa sinh phong.
- Bệnh Phế chủ suyễn: Thực thì suyễn loạn, suyễn thúc, có uống hoặc không uống nước. Hư thì nghẹn khí, dãi, ra khí ngắn, thờ suyễn.
- Bệnh thận chủ hư: Không có thực. Mắt không trong sáng, bị mờ chân tay xương xẩu nặng nề, dậu chân, chìm đen.

Các chứng kể trên còn phải phân biệt tình huống hư thực. Giá như bệnh Phế lại thấy chứng Can, răng cắn chặt mà hay hà hơi ra là dễ chữa, vì Can hư không thể thắng Phế được.

Nếu mà mắt trợn ngược gào khóc to, gáy cứng, vật vã thì khó chữa. Cái bệnh Phế lâu ngày thì hư lạnh, can cường thực mà thắng phó. Xem bệnh hư, thực: Hư thì bồ ở mẹ, thực thì tả ở con.

Luận sắc ca

論色歌

(Bài ca bàn về sắc)

- Trong mắt đỏ là tâm thực nhiệt.
- Màu hồng nhạt là hư chi thoát.
- Xanh là gan nhiệt, màu nhạt ở nông là hư.
- Vàng là Tỳ nhiệt thoát đi đâu.
- Trắng mà đục là Phế nhiệt sâu tới.
- Mắt không sáng sủa quyết là Thận hư.
- Trẻ em nhân trung màu xanh, phần nhiều nhân quả là đứa trẻ sống ; nếu màu nhân trung là đỏ sẫm, đúng là tích thực làm bỉ, Nhân Trung hiện ra sắc vàng, là tích sữa chỉ nuôi dạ dày mà thành.
- Thấy góc Long (bên trái) nơi gân xanh (Tĩnh mạch), đều do 4 chân có kinh.
- Nếu thấy góc Hổ (bên phải) màu đen, hình như nước vòng vèo, màu đỏ trên ấn đường, đó là người sẽ lên cơn kinh.
- Giữa 2 mày mà màu đỏ, đen, đỏ sẫm thì cần cấp cứu không chần chừ. Đỏ tươi dưới lông mày rõ ràng chết không sống được.

Nhận cân pháp ca

認筋法歌

(Bài ca phép nhận gân và chứng bệnh)

- Thóp thờ gân chữ bát () là rất bình thường.
- Ở ngón tay gân suất Tam Quan: Mệnh tắt vong.
- + Mới vào sơ quan là bệnh có thể tiến thoái.
- + Cùng liền thứ bộ cũng hại đầu đó, gân đó chỉ do cách thực gân xanh đúng bị thương Thủy, Phong, gân liền ngón cái là âm chương gân nếu sinh hóa định chẳng lành (Trong đó có vạ Tủy cân).
- + Gân như cái kim để lệch: Chủ thổ tả (Cân đới Huyền Châm).
- + Cân ngoái vắn mệnh khó dương. Tứ chi: Đàm nhiều. Bụng trướng, nôn mửa là do ăn sữa mà bị thương.
- + Miệng cá tiếng quạ kiêm khí cấp.
- Chó cắn hại người tự kinh trướng.
- Mọi chứng phong kinh nên đẩy sớm.
- Nếu như đẩy chậm, mạng phải mất.
- Thần tiên lưu lại phép rất kỳ.
- Hậu học nên hiệu cho mạnh nhất.
- Phạm xem cái gân trên cầu Mũi.
- Thăng tới thiên tâm, sợ nhất đời !

Khi mới sinh, ở Nhất Quan có Trắng, đề phòng cẩn thận 3 buổi chiều, Ở Nhị Quan có trắng, đề phòng cẩn thận trong 5 ngày, ở Tam Quan có trắng đề phòng ngoài 1 năm.

Phạm gân ở trên cung Khảm là chết ngay, ở dưới cung Khảm là 3 năm. Nhưng lại còn gân theo bản sắc 4 mùa, tuy có nhưng vô hại: Xanh là Phong, Trắng là Thủy, Hồng là Nhiệt, Đỏ tươi là sữa ăn gây thương.

Phạm cấp mãn kinh muốn nguy, không nói được, trước cứu Tam Âm Giao, nhì là Nê Hoàn, ba là Giáp Xa, bốn là Thiếu Thương, năm là Thiếu Hải. Xem bệnh trạng to, nhỏ, hoặc dùng 3 mỗi, 5 mỗi, 1 mỗi, có khi đến 77 mỗi, phân Nam, Nữ, tả hữu có 10 khối 10, như cấp tính, Thiên điều kinh. Bấm gân xanh ở trên tay rên (Đoàn:) trên và dưới rón, bấm ở 2 tai, lại bấm ở huyết Tổng Tâm.

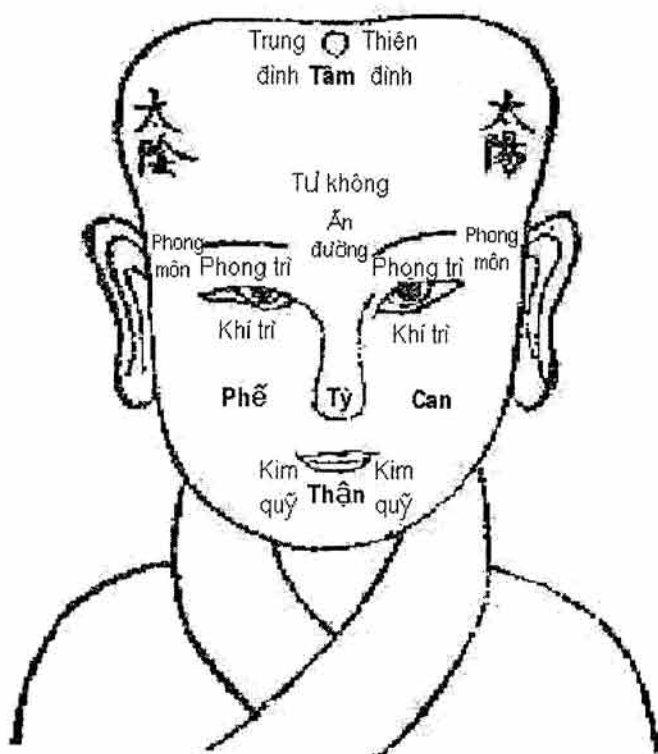
- Nội điều kinh, bấm Thiên Tân huyết.
- Nam kinh bất tỉnh nhân sự cũng bấm huyết Tổng Tâm.
- Cấp kinh như chết bấm gân 2 tay.
- Mắt nhắm tả Đồng Tử Liêu.
- Hàm răng cứng, tả Giáp Xa.
- Miệng mắt cùng nhắm, tả Ninh Hương.

Sở phép kể trên lấy ngón tay thay kim là phép thần vậy. Cũng phải chia bỏ tả.

Diện bộ ngũ vị ca

面部五位歌

(Bài ca năm nơi ở trên mặt)



DIỆN BỘ NGŨ VỊ ĐÓ

(Hình vẽ năm nơi ở mặt)

Chứng trên mặt trán là Tâm.
 Mũi là Tỳ Thổ đúng là phần.
 Má trái là Can, má phải Phế.
 Thừa Tương thuộc Thận dưới môi dưới.
 Dưới lông mày là Phong Tri.

Mệnh môn bộ vị ca

命門部位歌

(Bài ca về bộ vị Mệnh Môn)

Trung đình và thiên đình.
 Tư không và Ấn Đường.
 Góc trán vuông chỗ rộng.
 Có bệnh định còn, không (Mắt).
 Xanh đen kinh phong ác.
 Minh đều sáng tươi dịu.
 Không thể lốm và hao.
 Môi đen thật khó trị
 Rất xanh cần lo gấp.
 Môi xanh cũng thương nặng.
 Đó là đất Mệnh Môn.
 Thầy thuốc khéo so tính.

Mặt và mắt mà: Xanh là bệnh ở gan, đỏ bệnh tim, vàng bệnh tỳ, trắng bệnh phế, đen bệnh thận.

Dương chương đồ các huyết thủ pháp tiên quyết

陽掌圖各穴手法仙訣

(Hình vẽ các huyết ở bàn tay con trai và lời quyết của Tiên về thủ pháp)

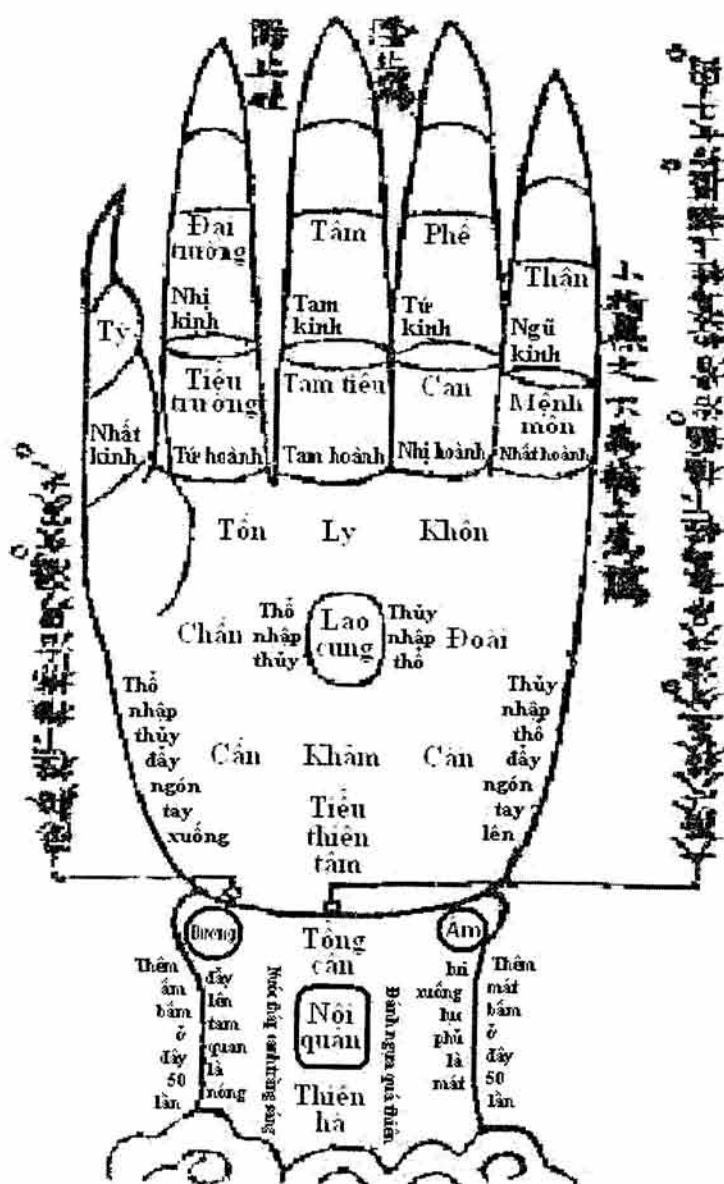
+ Bấm Tâm kinh và bấm Lao Cung: Đẩy lên ở Tam Quan dùng để chữa phát sốt, ra mồ hôi. Nếu không có mồ hôi, lại nhớ Nhị phiến môn, day, bấm khi lòng bàn tay hơi rớm mồ hôi thì dùng.

+ Bấm Tỳ Thổ: Cong ngón tay chuyển bên trái là bổ, đẩy thẳng là tả, ăn uống kém người gầy yếu, bụng nổi gân xanh, mặt vàng chân tay yếu thì dùng phép này.

+ Bấm Đại Trường: Đẩy ngược vào Hổ Khẩu dùng để chỉ tả (Cầm ỉa chảy) và bệnh lý, bụng cổ chướng. Lý đỏ thì bổ ở Thận thủy. Lý trắng thì thường đẩy ở Tam Quan.

+ Bấm Phế kinh và bấm từ Ly cung đến Càn cung thì dùng. Gặp trúng gió nhẹ, nặng 2 bên đầu, ho hắng có đờm, hôn mê, nôn mửa thì dùng phép này.

+ Bấm Thận kinh và bấm Tiểu Hoành văn, lui đến Lục phủ, chữa bí ỉa đại đở mà tắc trệ, bụng làm cổ chướng, thờ gập, hôn mê phân vàng, lui thì dùng.



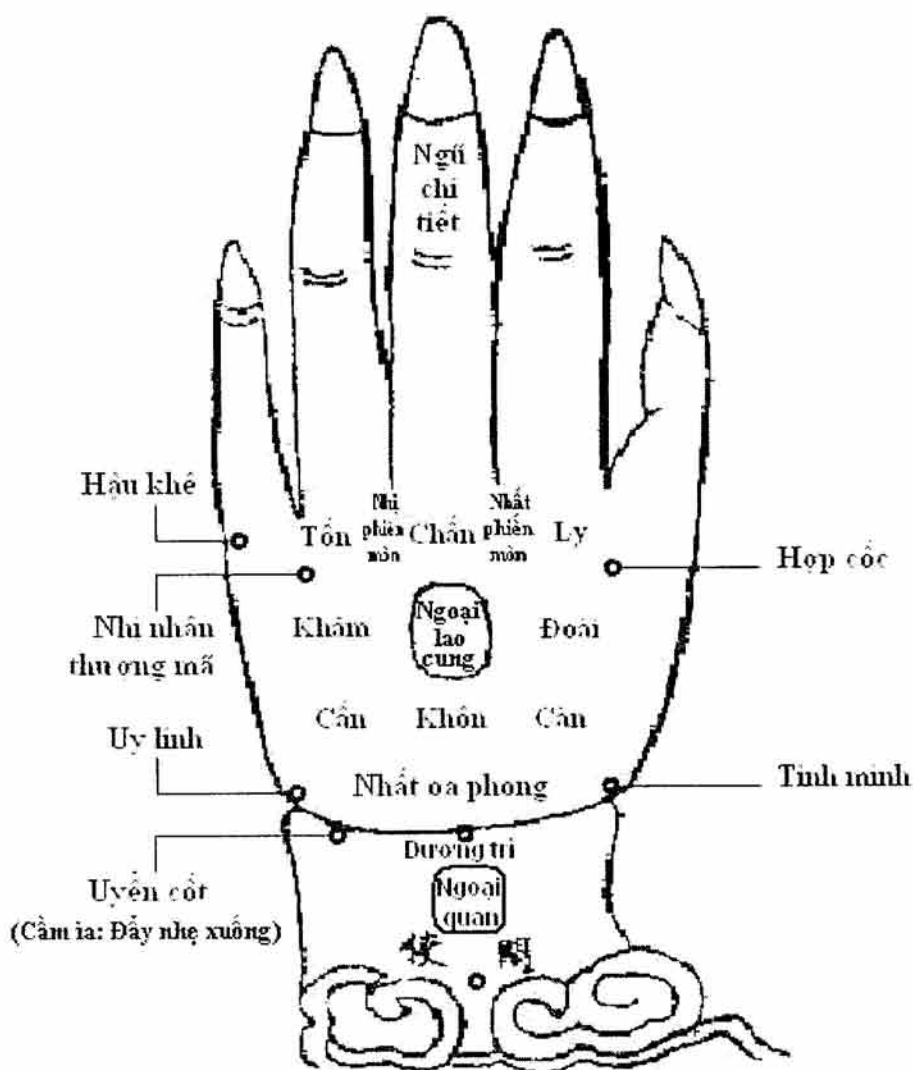
NAM TỬ TẢ THỦ CHÍNH DIỆN CHI ĐỒ

(Hình vẽ mặt trước bàn tay trái con trai)

+ Đẩy từ Hoành văn đề hòa khí huyết trên dưới, người gầy yếu, không chịu bú, chân tay thường co kéo, đầu lệch sang phải trái Trường Vị thấp nhiệt, 2 mắt trắng dã thì dùng phép này.

+ Bấm Tổng cân qua Thiên Hà Thủy có thể Thanh Tâm kinh, trong mồm sinh mụn nhọt, thấp nhiệt khắp người, khóc đêm tứ chi thường co kéo, trừ được bệnh Ngũ tâm triều nhiệt, bệnh Tam tiêu lục phủ.

+ Vận Thủy nhập Thổ: Vì Thủy thịnh, thổ khô Ngũ Cốc bất hóa. Nam tứ tả thủ chính diện chi đồ (Mặt trước, tay trái con trai) thì dùng đến. Vận Thổ, nhập Tỳ và Tỳ thổ quá vượng, Thủy hóa không thể giúp nhau thì dùng đến. Như trẻ em mắt đỏ mà hay ăn là hóa tảo Thổ vậy (Hóa làm khô thổ) nên vận Tỳ nhập Thổ. Thổ nhuận thì hóa tự khắc vậy. Nếu như miệng khô mắt trắng, dãi đỏ tác tức là thổ thịnh Tỳ khô. Vận Thổ nhập Thủy để cho bình vậy.



NAM TỬ TẢ THỦ BÓI DIỆN CHI ĐỒ

(Hình vẽ mu bàn tay trái con trai)

+ Bẩm Tiểu Thiên Tâm, bị Thiên điều kinh phong, mắt trắng dã mà lệch trái phải và Thận Thủy không thông thì dùng.

+ Bẩm Âm Dương: Cầm ỉa chảy, lý - Nửa người nóng rét vãng lai, bụng cổ trướng, nôn ngược thì dùng.

+ Vận Bát Quái: Từ ngực, bụng chướng tức, nôn ngược, nấc, ăn uống kém thì dùng.

+ Vận Ngũ Kinh: Động khí của Ngũ Tạng, chướng bụng, khí huyết trên dưới bất hòa, tứ chi co dúm, hàn nhiệt vãng lai, khứ phong trừ sôi bụng.

+ Day Bản Môn: Trừ thờ gấp, thờ nhói, thờ kêu to, thờ đau, nôn chướng, thì dùng.

+ Day Lao Cung: Động hỏa nhiệt trong Tâm, phát hãn thì dùng. Phải thận trọng.

+ Đầy Hoàn Hôn, hướng Bản Môn: Cầm nôn mửa. Từ Bản Môn hướng Hoàn Hôn: Chỉ tả. Như trong huyệt có tiếng kêu, lấy ngón tay cái bấm ở đây.

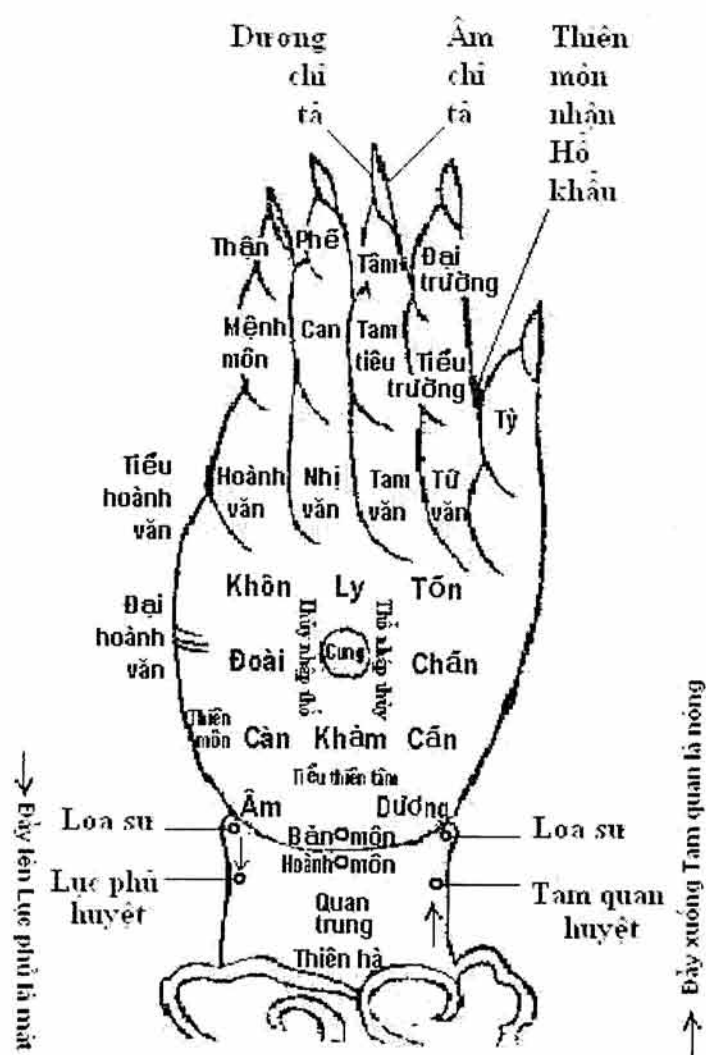
+ Tổng vị là tổ của các kinh, các chứng bấm đều có hiệu quả. Họ rất dữ bấm đốt 1 ngón giữa. Đờm nhiều bấm ở đốt 1 phía mu bàn tay ở chỗ gân thừa móng tay, bấm cạnh ngoài chỉ tả, bấm cạnh trong chỉ nôn.

- Từ bàn tay đến Thiên Hà là lên.
- Từ Thiên Hà đến đầu ngón tay là xuống.
- Dương Khê đẩy xuống, đẩy nhẹ, Trị con trai ỉa chảy, con gái thì ngược lại.
- Sau huyết Đại Lăng 5 phân: Trị Thiên điều kinh. Bấm dưới khu đó trị kinh các nơi, bấm trên khu đó trị Con gái cũng thế.

Âm chương đồ các huyết thủ pháp tiên quyết

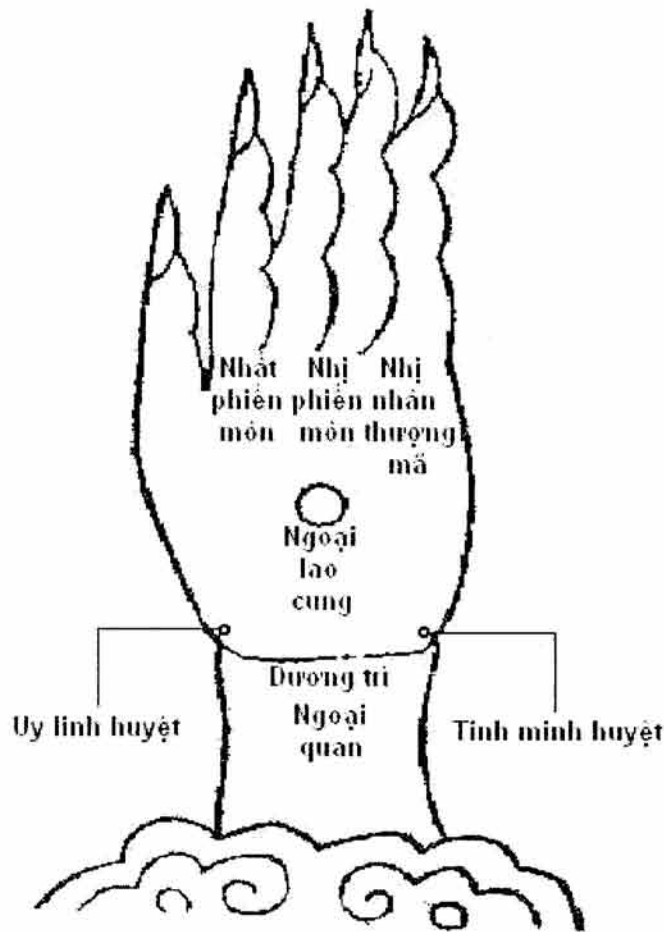
陰掌圖各穴手法仙訣

(Các huyết ở hình vẽ bàn tay âm và lời quyết của Tiên và thủ pháp)



NỮ TỬ HỮU THỦ CHÍNH DIỆN CHI ĐỒ

(Bàn tay phải con gái mặt trước)



NỮ TỬ HỮU THỦ BỎI ĐIỆN CHI ĐỎ

(Hình vẽ mu bàn tay phải con gái)

+ Bấm Lưỡng Phiên Môn: Phát hãn ở Tạng phủ, 2 tay bấm day, lấy ngón tay giữa làm giới hạn, sốt cao nhiều mồ hôi thì dừng day. Lại trị cấp kinh, miệng mắt méo lệch hướng sang trái, nặng bên phải hướng sang phải, nặng bên trái.

+ Bấm Nhị Nhân Thượng Mã: Có thể bỏ Thận, Thanh Thần, Thuận Khí, thức tỉnh sự chìm đắm, tính ôn hòa.

+ Bấm Ngoại Lao Cung: Hòa khí nhiệt ở Tạng phủ, nửa người, sốt nóng. Bụng nổi gân xanh, day có kết quả.

+ Bấm Nhất Ca Phong: Trị đau bụng, môi trắng, mắt trắng, một khóc, một chết, trừ phong, khử nhiệt.

+ Bấm Ngũ chi tiết: Thương phong bị nước làm hại, tứ chi thường co quắp, sắc mặt hơi xanh thì dùng.

+ Bấm huyết Tĩnh Minh: Thở kêu đàm suyễn, nôn khan, hòa tích thì dùng.

+ Bấm huyết Uy Linh: Trị cấp kinh bao tử. Bấm đó có tiếng thì có thể chữa được, không có tiếng thì khó chữa.

+ Bấm Dương Trì: Dứt đau đầu, thanh bỏ thận thủy, đại tiểu tiện bế tắc hoặc dơ vàng, mắt lệch ra trắng, lại có thể phát hãn.

+ Đẩy huyết Ngoại Quan, Gian Sứ có thể dứt chứng quặn bụng ỉa mưa. Bát Quái bên phía ngoài thông khí huyết toàn thân, khai các bế kết ở tạng phủ, huyết lạc được bình hòa mà thoát đờng.

Tiểu nhi châm (Dùng hào châm ngải trụ như tiểu mạch hoặc duy tước đại)

小兒針 (用毫針艾炷如小麥或維雀大)

Châm trẻ em (Dùng hào kim châm mỗi ngải như hạt lúa, hoặc mỗi ngải to là bằng phân chuột)

Sách “Bảo Giám” viết: Cấp mẫn kinh phong cứu Tiền Đỉnh. Nếu không khỏi cứu Tán Trúc, Nhân Trung đều 3 mỗi.

Hoặc nói: Cấp kinh thuộc Can, Mạn kinh thuộc Tỳ (Bảo Giám không phân như thế): Cứu Tiền Đỉnh, Tán Trúc là 2 huyệt ở Thái Dương, Đốc Mạch chưa rõ ý nghĩa.

+ Trẻ em mẫn kinh phong: Cứu Xích trạch, cả hai bên đều 7 mỗi.

+ Trẻ em mới đẻ phong lỗ rốn chúm miệng: Cứu Nhiên Cốc 3 mỗi hoặc châm 3 phân, chẳng thấy máu khỏi ngay.

+ Trẻ em điên giản (Động kinh) hà giả cùng với cứng cột sống cứu Trường Cường 30 mỗi.

+ Trẻ em kinh giản, kinh phong, mắt hoa: Cứu 1 huyệt Thần Đỉnh 7 mỗi.

+ Trẻ em phong giản trước hết ngón tay cong gấp như đém vật khi phát, cứu ở giữa đoạn sống mũi và mép tóc trước 3 mỗi.

+ Trẻ em kinh giản, trước hết kêu sợ hãi rồi mới phát, cứu phía trên Hậu đỉnh, ở giữa xoáy tóc là 3 mỗi, chỗ mạch nhỏ xanh, sau lại hai.

+ Trẻ em tích khí lâu không tiêu, cứu Chương Môn, đều 7 mỗi, phía sau rốn, giữa cột sống (Mệnh Môn) cứu 7 x 2 mỗi.

+ Trẻ em tức đầy dưới sườn, tả lý, mình nặng, tứ chi duỗi ra huyền tích, tích tụ, đau bụng không muốn ăn, sốt rét nóng lạnh, có báng, lại trị bụng chương dẫn sang lưng, ăn uống nhiều mà người cứ gầy dần, cứu dưới mông gai đốt sống 11 sang 2 bên cùng cách 1, 5 thốn (Tỳ Du) 7 mỗi.

+ Trẻ em vàng da (Hoàng Đản) cứu 3 mỗi.

+ Trẻ em sài mòn, lòi dom, chân tay teo, khát nước, hình dung tiêu tụy mọi thuốc không khỏi, cứu Vĩ Lư Cốt Lâu 3 thốn. Giữa chỗ lồi 3 mỗi liền trong vòng Tam Phúc (Ngày Canh thứ 3 sau Hạ Chí), lấy nước Dương (Dương Liễu, Bạch Dương) nóng tắm giữa giờ Ngọ, cứu. Từ lúc cứu về sau, lấy miếng vải lau đi, sẽ thấy Cam trùng theo mồ hôi mà ra, phép này thần hiệu.

+ Trẻ em thân gầy mòn, bồn đôn, bụng chương, tứ chi lỏng lẻo bả vai không giơ, cứu Chương Môn.

+ Trẻ em trở sữa, cứu Trung Đỉnh 1 mỗi.

+ Trẻ em Thoát Giang (Lòi Dom) ỉa ra máu kéo dài cả năm không khỏi cứu Cưu Vĩ 1 mỗi.

+ Thoát Giang lâu không khỏi và phong giản, trúng phong, uốn ván khóc nhiều, lòi nói không chính xác phát bệnh không có giờ giấc, có khi nôn ra đờm dãi, cứu Bách Hội 7 mỗi.

Giới nghịch châm cứu (Vô bệnh nhi tiên châm cứu viết nghịch)

戒逆針灸（無病而先針灸曰逆）

Bỏ cái ngược của châm cứu (Không có bệnh mà châm cứu trước là nghịch)

Trẻ em mới sinh, không có bệnh không thể châm cứu trước, nếu nghịch châm cứu, cái thấy đau động đến Ngũ Tạng, do đó dễ thành giản (Động Kinh). Ở vùng sông nước Quang Trung (Thuộc tỉnh Thiểm Tây) đất đai lạnh dữ, trẻ em dễ dàng thành bệnh “Chí” trẻ em sinh được 3 ngày thường nghịch cứu để phòng. Đất Ngô Thục ẩm, không có bệnh đó. Cổ nhân đã truyền lại, người ta không phân Nam, Bắc mà cứu nên hại nhiều trẻ em. Do đó trẻ em ở Điền xá (nhà nông) được tự nhiên đã không ngang yếu (Hoànch Yếu) chết non.

Sơ sinh điều hộ

初生調護

(Giữ gìn trẻ sơ sinh)

+ Có mang: Sau khi có chửa, tất cần ăn uống có điều độ, làm cho thần được an toàn, khí thường hòa thì thai thường yên, con sinh ra tất to lớn. Tồi kỵ các thức ăn nóng, độc, sau đó sinh con trẻ tránh được các tật lỗi rốn, và đau nhọt.

+ Mới lọt lòng: Trẻ em mới ở trong thai, tất được dịch thai nuôi dưỡng, vừa lọt lòng mẹ, miệng có dịch độc, tiếng khóc chưa phát ra, lấy ngay vải mềm, sạch lọc ngón tay người lớn chùi nước ối trong mồm trẻ nhỏ, tránh được bệnh Đậu Mùa, hoặc nếu có thời khí cảm nhiều, chỉ sinh ra ghê lở ở da dễ chữa.

+ Hồi khí (Tục thường gọi là tảo mê, hôn mê sớm): Trẻ sơ sinh muốn tắt thở, không khóc nổi, đó là do khó đẻ, hoặc cảm mạo lạnh gây ra phải lấy ngay 1 túi bông sợi ấp vào lồng ngực, chưa thể cắt rốn ngay. Lại nhớ đem bọc nhau hơ trên bếp lò, lại lấy miếng giấy to vê lại, tẩm dầu trong chậu vào chung quanh rốn, hơ qua lại trên đèn. Cái rốn được hơ lửa, từ rốn vào bụng, lấy nước giấm nóng rửa chung quanh rốn đi, chỉ một chốc lát khí về, tiếng khóc như thường, mới có thể tắm rửa, cắt rốn.

+ Bí ịa: Trẻ em mới sinh, đại tiểu tiện không thông, bụng chướng muốn tuyệt bảo ngay người lớn lấy nước nóng xúc miệng dùng miệng dớp hút ở phía sau, trước tiên, cả dưới rốn và các lòng bàn tay, bàn chân cộng lại là 7 chỗ, mỗi chỗ dớp dấm ba lần cần xúc miệng, lấy lấy đồ hồng da đưa trẻ làm mức, chốc lát tự thông.

+ Tắm trẻ: Tắm cho trẻ, dùng 1 cái Mật Lợn pha vào trong nước, tránh sinh ghê lở, khi tắm phải thăm nước nóng lạnh quá, nếu không trẻ sợ mà thành bệnh.

+ Cắt rốn không thể dùng dao, kéo, cần bọc có màng mà cắt, sau nhớ hà hơi ẩm 7 lần, đoạn dễ dính với chỗ thắt rốn là tới phía trên mu bàn chân, giữ ở 6 thốn dài thì thương cơ, ngắn thì trúng hàn, làm cho trong bụng trẻ không diễn hoặc thành nội điều (1 chứng co giật). Nếu cắt trước, tắm sau, sợ nước ngấm vào trong rốn, làm cho trẻ đau bụng. Rốn rụng xong, đoạn vừa dính với rốn đó thường có trùng, nên cắt riêng ngay đi, nếu không trúng tự nhập vào bụng mà thành bệnh. Sau khi rốn rụng, nên dùng 1 bọc Ngải nóng sạch bao quanh dùng vải trắng quấn lấy. Nếu tắm cho trẻ mà để cho nước vào rốn, hoặc dãi ở trong tả quần làm thấp (ẩm) khí thương rốn, hoặc bỏ tả không quấn làm gió lạnh và tà khí ngấm vào, đều làm cho trẻ xung rốn, hay khóc, không bú tức là thành phong lở rốn.

+ Phong lỗ rốn: Trẻ mới sinh 6-7 ngày bị bệnh phong lỗ rốn trể đưa không thoát 1. Dùng lục xanh bao ngón tay người lớn thấm nước ấm vào chỗ chân răng trên dưới của đờ đẻ, thấy 1 cái bọc đỏ to như hạt dẻ, chùi phá đi thì khỏi.

+ Cắt tóc đầu: Trẻ mới đầy tháng thì cắt tóc đầu, cần chỗ ấm áp tránh chỗ gió sau khi cắt tóc lấy 3 hạt Hạnh Nhân bỏ vỏ và gai đã nát bỏ vào 3 lá bạc hà cùng giã, lại nhỏ vào 3-4 giọt dầu vùng sống, trộn thành bột nhồn bôi lên đầu để đề phòng thương phong, tránh sinh mụn nhọt, nhiệt độc.

+ Nuôi nấng: Trẻ em tỳ vị còn non yếu, cha mẹ hoặc lấy thức ăn dứt cho, không thể khắc hóa được, tất gây thành bệnh.

Gặp ngày khí trời ẩm áp mờ tả lốt mấy lần để cho quen khí trời thì huyết ngưng, khí rắn, thịt chắc, có thể chịu gió lạnh mà không gây bệnh.

Khi bế trẻ em thì không được khóc, sợ nước mắt rơi vào mắt trẻ em làm cho mắt nó khô.

Trẻ em khóc đêm dùng Đẳng Tâm đốt thành than, bôi lên vú và cho trẻ bú thì khỏi.

Trẻ em bụng chương: Lấy gốc hạ, giã vắt lấy nước hòa với mỡ lợn sắc uống.

Trẻ em lở đầu lấy Chi Ma (Hồ Ma) sống bỏ vào mồm nhai nát, đắp lên, nhất thiết kiêng không được đắp thuốc.

Trẻ em bị thu ly, ăn quả táo thì khỏi, hoặc cho ăn Mứt hồng thì khỏi.

Trẻ em nên lấy Hoa Cúc làm gỏi thì sáng đầu mắt.

Trẻ em vào mùa hạ, bảo khâu cái túi đựng 7 hạt Hạnh Nhân đã bỏ vỏ, gai, đeo vào người, nghe tiếng sấm không sợ.

Trẻ em trong vòng 1 kỳ (10 ngày) áo mặc nên lấy tơ lụa mà làm, dùng vải mới quá ấm, làm cho trong thịt nóng mềm (nẫu ra), chung nhiệt thành bệnh, không nên bọc từ chân đến đầu, đình làm cho dương khí không thoát ra được, thường phát sốt.

Trẻ em không nên ăn thịt quá sớm, làm hư hỏng tỳ vị, tránh gây ra trùng tích, cam tích, thịt gà có thể gây ra Giun Đũa, nên kiêng không trên 3 tuổi không cho ăn.

Chịu ba phần lạnh, ăn bảy phần no.

Bụng châm xoa vo, nên ít tắm rửa.

Diện sắc đồ ca

面色圖歌

(Bài ca về bức tranh sắc mặt)

+ Trán, Ấn Đường, Sơn Căn: Trán hồng đại nhiệt, táo, màu xanh có Can phong, Ấn Đường thấy sắc xanh, người kinh, hỏa thì hồng. Sơn Căn xanh chìm chìm, kinh già thì nặng gấp đôi. Nếu lại đỏ ở đó. Tả táo đúng cùng công.

+ Niên Thọ (Sống mũi) trên niên thọ hơi vàng là đúng, nếu lõm vào, tướng yếu khó nuôi. Thấy màu đen là chứng lý nguy rồi. Quạu thổ tả thì sắc vàng đậm rõ.

+ Ty Chân, Nhân Trung ; Cánh mũi hơi vàng, đỏ, trắng là bình thường, vàng đậm, khô đen là chết, khó sống, Nhân Trung co ngắn, nôn do lý, môi đỏ (ngược với đen, phản mặc) là giun quấy bụng

+ Giữa Miệng (Chính khẩu): Giữa miệng thường hồng gọi là bình thường, khô khan là Tỳ nhiệt tích, vàng là sống, trắng là chủ mất máu, đen quanh mồm, xanh đen là kinh phong hình chết hết.

+ Thừa Tương, Hai Long Mây: Màu xanh ở Thừa Tương là chứng kinh khi ăn, màu vàng thường nôn mửa, màu hồng là lý, phiền táo, khóc đêm, màu xanh là lạnh. Bệnh lâu ngày mà lông mày đỏ đúng là chứng chết.

+ Hai Mắt: Tròng trắng có màu đỏ là cam phong, nếu màu vàng là có tích. Nếu thấy sắc vàng trong lòng đen, đó là dấu vết của bệnh thương hàn.

+ Phong Trì, Khí Trì và 2 gò má: Phong Trì và Khí Trì có màu vàng là nôn mửa. Phiền táo, kêu gào thì màu vàng tươi. Lưỡng Quyền chớm có dạng đỏ, là Phế ó khách nhiệt không sai.

+ Hai Thái Dương: Thái Dương sắc xanh là kinh mới bắt đầu. Sắc hồng là lậu mồm mống của ác tính dấy lên, cần biết chứng chết như thế nào, màu xanh sinh từ đây vào tai.

+ Hai Mí Mắt (Long mây): Hai mí vàng là đàm thực ở yết họng, màu xanh (Khách ngỗ) ở sắc hồng là phong nhiệt, thương hàn màu đỏ, sắc hồng chủ lậu. Hai sắc chưa rõ ràng thì nhân ở 2 má.

+ Hai Gò Má, Kim Quỹ, Phong Môn: Nôn ra giun thì sắc xanh, trệ thì gò má vàng, một màu ở 2 gò má rõ ràng. Phong Môn màu đen là sán khí, Phong Môn đen là kinh nước. Nét xanh ở Kim Quỹ chủ phong cuồng.

+ Phân biệt 5 màu ở trẻ em và các chứng bệnh đang bị:

- Mặt vàng, xanh là đau.
- Mặt hồng là nhiệt.
- Mặt màu đen là Thận khí bại.
- Khóc chủ bệnh Gan.
- Hay ngủ là chủ Thận có hao.
- Mặt vàng là Tỳ khí yếu.
- Mặt trắng là lạnh.
- Mồ hôi chủ Tâm.
- Gào kêu chủ Phế có phong.

Sát sắc nghiệm bệnh sinh tử quyết

察色驗病生死訣

(Bí quyết xem màu sắc dự đoán bệnh sống chết)

- Trên mặt màu tím là Tâm khí tuyệt, 5 ngày thì chết.
- Mặt đỏ mắt trũng xuống là Can khí tuyệt, 3 ngày thì chết.
- Mặt vàng, tứ chi nặng là Tỳ khí tuyệt, 9 ngày thì chết.
- Mặt trắng, mũi thở hít vào thấy lạ là Phế khí tuyệt, 3 ngày thì chết.
- Ngực như đậu vàng chín như là cốt khí tuyệt, 1 ngày chết.
- Mặt đen, tai vàng, rên rì, Thận khí tuyệt, 4 ngày thì chết.
- Miệng mở to, môi xanh, lông khô là Phế tuyệt, 5 ngày thì chết.

Đại để bệnh trẻ em mà mu chân sưng, mình nặng, đái ỉa không cầm, mắt đỏ, trông không chuyển động, đều chết.

Nếu bệnh tưởng khỏi, mặt vàng, mắt vàng là có ý sống.

+ Bệnh lý, đầu mi nhím lại.

+ Kinh phong mặt má hồng.

+ Khát lại vảnh môi đỏ.

+ Thở tả mặt vàng nổi.

+ Nóng dữ mắt mung lung.

+ Màu xanh là kinh phong.

+ Màu trắng là ỉa chảy.

+ Thương hàn sắc tím hồng.

Thang thị ca

湯氏歌

(Bài ca của họ Thang)

+ Sơn Căn: Nếu thấy mạch xanh ngang, bệnh đó biết rõ 2 độ kinh, Đỏ đen nhân bị khi thổ tả, Sắc hồng đêm gào không thấy ngừng.

+ Mạch xanh sinh ở Thái Dương trái là 1 kinh 1 độ cho thấy:

- Đỏ thường hàn hơn táo nhiệt.

- Đen xanh biết đó là sữa bị thương.

- Bên hữu mạch đỏ chẳng cần nhiều, có thì số lần kinh như thế nào ? Hồng đỏ là phong rung trông mắt. Đan chìm thì 3 ngày thấy Yểm, La () - Tức là chết.

- Móng tay xanh, kiềm đen tối nhiều, môi xanh bệnh ác nghịch tưởng khỏi, đột nhiên thấy tiếng lạc đi là Tam khí cấp, bệnh đó đúng là bệnh khó qua.

- Giun ra đặng mồm, có 3 lại: Trong miệng mũi không to lắm nếu như giun kiềm màu đen, đúng là bệnh đó mệnh khó kéo dài.

- Tứ chi nhọt đau, không phải là lạnh, khí ở dưới xung lên tâm, kiềm trơn ruột ; Khí suyễn chảy mồ hôi, mình không nóng, bàn tay, ngực, cách định tại ương quá mức.

Nội bát đoạn cẩm

內八段錦

(Tám đoạn gắm trong)

+ Hồng sạch là yên không dùng kinh.

- Nếu gặp hồng đen càng khó yên.

- Lại thêm hồng đoạn Thanh Long dữ, lấy hạ phong đàm bệnh nhẹ luôn.

+ Màu đỏ hơi nhạt ở ngoài kinh, nếu như hạt lúa mức không nhẹ. Hồng tán thường do thừa giận loạn, lại thêm co nắm thực khó yên.

+ Trẻ em mới đẻ 1 tháng, bệnh ở bụng 2 lông mày chau làm hiệu cần kiểm tra về ruột. Khi khó kêu gào và rên rĩ nên tiến hành gấp rút các việc chữa chạy.

+ Trẻ em mới đẻ trong một ngày, bắp thịt ở chân tay gây yếu cong queo, đầu trọc, lông tóc thưa thớt, nguyên là bởi Quý Thai.

Ngoại bát đoạn cẩm

外八段錦

(Tám đoạn gắm ngoài)

- + Trước hết xem màu xanh ở mắt trẻ sơ sinh, thứ xem trên lưng lạnh như băng, con trai co động bên trái, không phải phòng gì, co động bên phải, bảo người ta là rất đáng sợ.
- + Con gái co động bên phải thì có thể chữa, nếu gặp co động bên trái thì bệnh không nhẹ, miệng mắt co lệch cuối cùng cũng không lại, ngay có thuốc tiên cũng không cân.
- + Não môn sưng lên đúng là phong, chứng này gặp biết là tất hung (Xấu). Tự nhiên lồm xuồng như đít chén, không quá 7 ngày mạng sẽ xong.
- + Cái mũi xanh khô kiệt khó giữ, mặt đen, môi xanh mọng không còn. Bụng to, nổi gân xanh cũng là chương ác. Càng có thêm nếp xanh trên bụng càng khó.
- + Tự nhiên thấy giữa 2 lông mày tím lẫn xanh. Xem lại ngay đó thấy phong sinh. Xanh, Hồng rải rác, phong có thể đẩy. Sẽ thấy chứng cam, cách khí hình.
- + Nét loạn giao nhau, tím với xanh, cấp tốc tìm thầy tránh mạng khuynh (Chết). Tím mọng lại thêm mình mẩy nóng. Cần biết tạng phủ có ác phong sinh.
- + Tím ít hồng nhiều thường là lục súc kinh. Tím, hồng bằng nhau thì cam thành. Tím đen có hồng như hạt lúa là thương phong giáp với chứng (của) ăn, chịu khó mà so xem.
- + Tím tản ra là phong truyền ở Tý tạng. Tím xanh, miệng khô là phong giản. Tím ẩm chìm sâu khó chữa chạy. Phong đàm có tan đi thì mạng mới về.
- + Đen nhạt (nhẹ) có thể chữa chết lại sống. Hồng đỏ nổi là hàn đàm tích đình. Đỏ xanh là da bị chứng phong tà. Xanh đen là Tý phong làm mạn kinh.
- + Hồng đỏ liền với phong nhiệt nhẹ. Tất nhiên do sữa mẹ không hơn. Hai tay đột nhiên không thấy mạch. Biết ngay xung ác phạm, thần kinh.

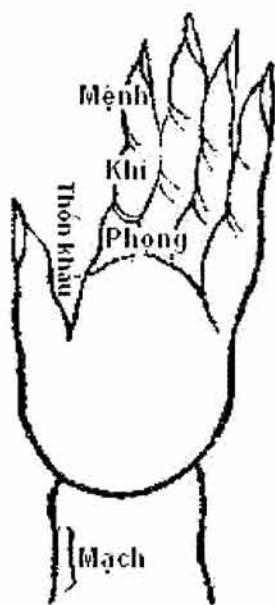
Nhập môn ca

入門歌

(Bài ca nhập môn)

Nắm đầu ngón tay lạnh, kinh đến không thể yên. Nếu gặp ngón giữa nóng, sẽ thấy đúng thương hàn. Riêng ngón giữa tự lạnh chứng sở đầu cùng truyền, gái phải, trai bên trái, phân rõ, xem kỹ càng. Tim trẻ nóng mà động mạch là gặp có người đọc nạt, nóng mà không động mạnh gọi là thương phong. Lạnh mà mất lé đi là sợ nước, đó là lời quyết nhập môn về xem chứng bệnh của trẻ.

Tam quan lục cân chương văn đầu trửu đồ
 三關六筋掌紋斗肘圖



風關易治 氣關難治
 命關死候 直透者死
 左手應心肝 右手應脾肺
 男主左 女主右

TAM QUAN ĐỒ



LỤC CÂN ĐỒ

Tam quan

三關

(Ba đốt ngón tay trỏ)

Tam Quan là 3 đốt ngón tay trỏ. Đốt trong cùng là Phong Quan (Ở cung Dần) - Đốt giữa là Khí Quan (Ở cung Mão) - Đốt ngoài là Mệnh Quan (Ở cung Thìn).

Trẻ sơ sinh: Khí huyết, tạng phủ chưa định, số lần thở quá nhanh vì vậy chỉ phân biệt màu mạch ở Hồ Khẩu mới chẩn đoán bệnh được. Con trai lấy tay trái mà xem, con gái lấy tay phải mà xem. Cái tay trái là dương, con trai thì dương là chủ, Tay phải thuộc âm, con gái thì âm là chủ. Nhưng con trai, con gái thì ở riêng nó đều có thể so sánh âm dương 2 tay trái phải cùng cần đi sâu và xem xét. Nét ở tay trái ứng với Tâm, Can. Nét ở tay Phải ứng với Tỳ, Phế. Các thông tin ở đó, nó có ý nghĩa là được biến thông.

Bệnh mới mắc nét hiện ra ở Hồ Khẩu hoặc tại đốt trong cùng, thường là màu Hồng. Chuyển đến đốt giữa, màu đỏ màu tím. Xem bệnh lại chuyển qua màu tím xanh là bệnh nhiệt sâu nặng. Thấy là màu xanh đen, xanh mà nét loạn chiều tình trạng bệnh càng nặng thêm. Nếu thấy chỉ một màu đen, bệnh ác nguy không chữa được.

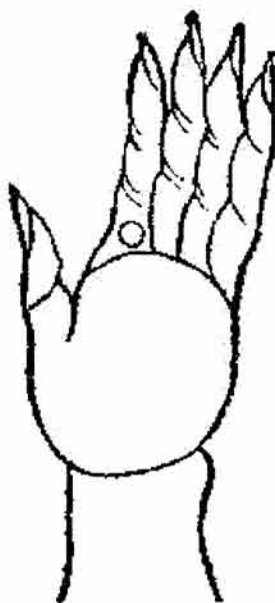
Phạm bệnh đốt ở trong cùng: Dễ chữa. Qua đốt giữa: Khó chữa xuyên thẳng qua cả 3 đốt không chữa được. Do đó Cổ nhân nói: “Mới ở Phong Quan, bệnh lại có thể, chuyển vào khí, mệnh đứng là Khó và Lâu !”.

Màu Hồng là Phong nhiệt nhẹ. Đỏ là phong nhiệt thịnh. Tím là Kinh Nhiệt. Xanh là Kinh Tích. Xanh, Đỏ bằng nhau là có cả Kinh Tích và Phong Nhiệt, chủ về mạnh kinh phong. Xanh mà Tím nhạt là co duỗi nó đi lại, chủ về mạnh kinh phong. Nếu tứ túc kinh, Tam Quan sẽ xanh. Thủy kinh, Tam Quan sẽ đen Nhân Kinh, Tam Quan sẽ đỏ. Lơ kinh sẽ vàng, hoặc xanh hoặc đỏ có nét thẳng như một đường là ăn sữa bị thương Tỳ mà phát Nhiệt kinh, 2 bên trái phải giống nhau là kinh và tích cùng phát. Ở Tam Giao hoặc tán là Phế sinh phong đàm hoặc tựa như tiếng ngạt mũi, Có màu Xanh là thương hàn và ho. Đỏ như lửa là tả (Ỉa chảy), có kèm đau thâm khát không sai. Ở Hồ Khẩu nét mạch loạn là khí bất hòa vậy. Cái nét mạch có 5 màu: Vàng, Hồng, Tím, Xanh, Đen. Có màu Vàng, Hồng không hình là mạch yên ổn. Có hình là mạch bệnh, do là bệnh tăng mà sắc mặt Thâm biến. Vàng tăng thì làm Hồng. Hồng tăng thì làm Đỏ. Đỏ tăng thì làm Xanh. Xanh tăng thì làm Đen. Đen khi thuần Đen thì khó chữa. Lại còn phải phân hình ra sẽ như sau.

- Lưu châu: Chỉ có 1 điểm màu hồng: Chủ nhiệt ở cách, Tam tiêu bất hòa, ăn uống làm thương muốn thổ tả, ruột sôi tự lợi, mệt mà kêu khóc. Nên tiêu thực, bổ Tỳ, Vị thì rất lớn. Chủ Tỳ hư, đình thực. Ngực bụng chướng mãn, phiền khát phát sốt. Nên kiện Tỳ, Vị, tiêu thực điều khí.



- Hoàn châu: So với Lưu châu thì rất lớn. Chủ Tỳ hư, đình thực. Ngực bụng chướng mãn, phiền khát phát sốt. Nên kiện Tỳ, Vị, Tiêu thực điều khí.



- Trường châu: Một đầu to, một đầu nhỏ. Chủ ăn uống làm thương Tỳ, tích trệ bụng chướng. Nóng rét không ăn. Nên tiêu thực kiện Vị.



- Lai xà (Con rắn bò về): Đầu dưới to lớn. Chủ Tỳ Vị thấp nhiệt, Trung Quản không lợi. Nôn khan mà không ra là Cam tả ở bên trong gây ra. Nên khắc thực, kiện bổ Tỳ, Vị.



- Khử xà (Cón rắn bò tới): Đầu trên to lớn. Chủ Tỳ hư, tích lạnh. Thở tả phiến khát, khí đoàn thần khôn. Ngủ nhiều không ăn. Nên kiện Tỳ, Vị, Tiêu tích. Trước hết là cầm thổ tả.



- Cong ngược vào trong: uốn về hướng ngón giữa: Chủ cảm tà khí hàn, nhiệt. Đầu, mắt, mờ nặng. Tâm thần thôn thức, mệt mỏi. Tứ chi lạnh ở các ngón. Tiểu tiện màu đỏ, ho hắng hôn ngược. Nên phát hãn, toại kinh, thoát Tâm hỏa Đầy ở Tỳ, xát ở Phế.



- Cong ngược ra ngoài: uốn về hướng ngón cái. Chủ đàm nhiệt Tâm Thần hoảng hốt mà làm thành nhiệt, giáp với kinh, giáp với do ăn uống, phong giãn. Phàm nét uốn vào trong là lành, ra ngoài là xấu.



- Hình cây mác: Chủ phong nhiệt, phát đờm là co giật.

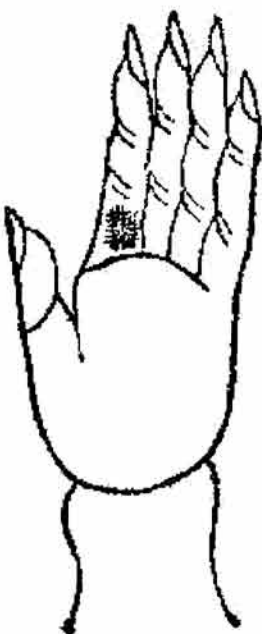


- Hình cái kim: Chủ Tâm, Can nhĩ nhiệt cực Sinh phong, thổn thức muộn, khốn quẫn, lười không ăn. Đàm thịnh phát co giật. Lại nói: Huyền Châm

(Cái kim dễ lệch) chủ Tả lý.



- Hình xương cá: Chủ kinh đàm phát nhiệt quá lắm thì đàm thịnh phát co giật, hoặc không ăn, Còn do cam thịnh khắc Tỳ. Nên toại kinh hoặc nôn ra đờm, ỉa ra đờm lại nên bổ Tỳ, chế Tỳ.



- Hình ngạnh cá: Ở đốt Phong Quan chủ kinh, ở Khí Quan chủ Can ở Mệnh Quan chủ hư, khó chữa.



- Hình chữ Thủy: Chữ kinh phong, tích thực, vật vã, buồn bả, ăn ít, khóc đêm, đàm thịnh, miệng mím, tay co nắm, Đó là Tỳ hư tích trệ. Mộc khắc thổ. Lại nói: Hình chữ Thủy: Bệnh Phế, nói kinh phong nhuận Phế.



- Hình chữ Ất: Ở Phong Quan chủ Can kinh (sợ), Ở Khí Quan chủ cấp kinh. Ở Tam Quan chủ mạn kinh Tỳ phong.



- Hình con giun cong: Chủ bệnh can nặng:

- + Như tròn là Thận có độc.
- + Cong vào chủ Khí Can.
- + Cong ra chủ Phong Can.
- + Lệch phải chủ Thương Hàn
- + Lệch trái chủ Thương Phong
- + Mạch câu chủ Thương Hàn

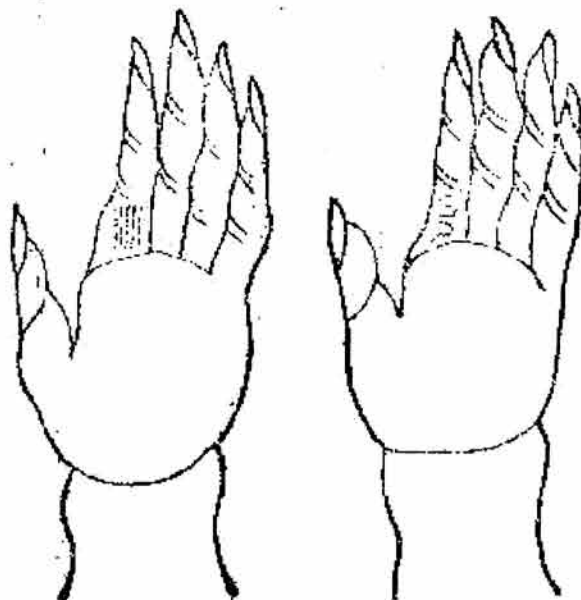
“⊗”加环。肾有毒也。“⌒”曲向里。主气痞。“⌒”曲向外。主风痞。“\”斜向右。主伤寒。“/”斜向左。主伤风。



- Giun dài: Chủ thương lãnh.



- Loạn nét: Chủ trảng ở Tâm động.



- Thấu quan xạ chi: Qua các quan bắt vào ngón tay, hướng vào trong phía ngón tay là Xạ chi: Chủ kinh phong đàm nhiệt tụ ở họng cách và Tỳ, Phế thương tổn, đàm tà thừa tổn.



- Thấu quan xạ giáp (Qua các quan bắt vào móng tay) hướng ra phía ngoài là xạ giáp, chủ chứng kinh phong ác. Hỉ kinh chuyển vào kinh lạc. Phong nhiệt phát sinh thập tử nhất sinh.



- Gân xanh trắng, tím ở Tam Quan của ngón vô danh (ngón 4) khó chữa. Ở Tam Quan của ngón giữa dễ chữa.



Yếu quyết

要訣

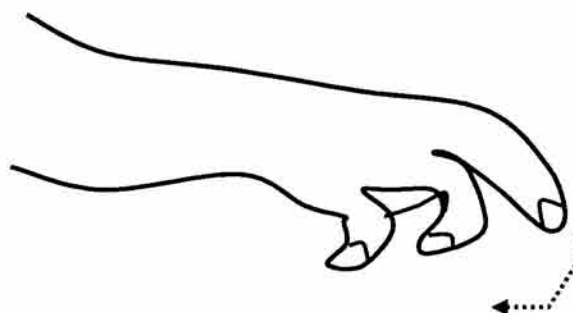
(Bí quyết quan trọng)

- + Tam quan: Ra mồ hôi và hành kinh lạc. Ra mồ hôi và hành khí ở đó trước, đẩy ngược từ Đại Trường đến Hồ Khẩu. Chỉ tả, chỉ lý dứt tận gốc.
- + Tỳ thổ: Cong ngón tay là bổ, thẳng ngón tay là đẩy, ăn uống sút kém, lấy ở đó, rất tài. Sốt rét, lý, ỉa lỏng và gầy yếu, tim ngực bí đau cũng trừ được.
- + Bấm Phế đốt 1 và lý kinh, đẩy từ lý đến Càn nhẹ vừa phải, Cảm mạo, ho hắng và thổ nghịch. Kinh đó thần hiệu ngang nghìn vàng.
- + Thận Thủy và nhất hoành vẫn gần hậu Khê. Đẩy xuống là bổ, lên là thanh đi. Tiểu tiện bị tức thanh thì diệu. Thận hư nên bổ là kinh cực kỳ.
- + Lục cân: Chuyên trị Tỳ Phế nhiệt. Cả người thấp nhiệt bí đại tiện. Nhân sự hôn trầm nói chung thì đẩy. Trừ bệnh đại khái như nước nóng làm tan tuyết.
- + Tổng cân, thiên hà Thủy trừ nhiệt trong mồm hôi nóng và lưỡi kinh tâm tích nhiệt và hóa công lên mắt. Đẩy ở đây mới biết là quyết hay.
- + Tứ hoành vẫn (Nét ngang 4) hòa khí ở trên dưới. Thờ kêu bụng đau đều có thể khỏi.
- + Năm nét kinh (Từ kinh 1 đến kinh 5) động khí của tạng phủ.
- + Bát quái: Khai mở ngực, hóa đàm rất hiệu.

- + Âm dương có thể trừ được hàn, nhiệt, đại tiểu tiện không thông và ỉa chảy. Nhân sự hôn trầm, lý tất công. Cứu người cần quyết đúng thì khỏi hết.
- + Thiên môn, Hồ khẩu day đầu khủy, sinh huyết, thuận khí đều ở tay điều.
- + Một khi bấm ở móng ngũ chí tiết, có phong bị dọa nên cần xét.
- + Tiểu thiên tâm có thể sinh Thận thủy, Thận Thủy hư giảm nên dùng đẩy.
- + Bản môn chuyên trị khí thúc công.
- + Phiến môn phát nhiệt, tuyên thông mồ hôi.
- + Nhất ca phong có thể trừ đau bụng.
- + Dương trì chuyên 1 việc chữa đau đầu.
- + Tinh minh có thể trị thờ to mọi bệnh Tiểu Trường quyết như gió.



(Quan Trung)



Lao Cung



24- Hòa Âm Dương



23- Phân Âm Dương

Thủ quyết

手訣

(Quyết về tay)

- + Tam quan: Phàm làm theo phép này trước hết bấm ở Tâm kinh điểm Lao Cung. Nam thì đẩy lên ở Tam Quan, giảm rét, thêm nóng thuộc nhiệt. Nữ thì ngược thể, lui xuống là nhiệt.
- + Lục phủ: Phàm làm theo phép này, trước hết bấm ở Tâm kinh, điểm Lao Cung, nam thì kéo lui ở Lục phủ, giảm nóng thêm mát, thuộc mát. Nữ thì ngược thể, đẩy lên là mát.

Thủ pháp trị bệnh quyết

手法治病訣

(Quyết về thủ pháp chữa bệnh)

+ Thủy đề lao nguyệt: Rất là hay, chỉ nhiệt thanh Tâm ấy rất mạnh. Phi kinh, tẩu khí có thể thông khí, Xích phương, giao đầu (Lắc đầu) giúp khí trường, Hoành phong (Ong vàng) xuất động rất là nhiệt âm chứng, bạch lý kiêm ỉa chảy, phát hãn không ra mồ hôi rồi mới dùng, Lập tức làm cho các lỗ đều thông tiết.

+ Ấn căng mà xét, động khí hóa đờm nhiều Phém nhị long tranh châu (2 con rồng tranh ngọc) ôn hòa có thể dùng được. Phượng hoàng đơn triển đực (Một cánh Phượng hoàng xòe) có thể trừ hư phù nhiệt. Viên hầu tích quý thể (Cách vượn hái quả) có thể hóa đàm và công khí.

1)- Đại nhiệt - Hoành phong xuất động (Ong vàng ra khỏi lỗ):

- Cách làm: Trước hết bấm Tâm kinh, thứ bấm lao Cung, trước khai Tam Quan, sau lấy 2 ngón tay cái bên trái, bên phải bắt đầu từ chỗ Âm Dương, 1 nắm, 1 lên đến quan trung trên Ly Khám thì bấm huyết. Phát hãn (làm ra mồ hôi) thì dùng.

2)- Đại hàn - Thủy đề lao nguyệt (nước dưới thấp nhốt giam mặt trăng).

- Cách làm: Trước là thanh ở Thiên hà thủy, sau cả 5 ngón tay đều cong (quỳ), ngón giữa hơi cong về trước, 4 ngón theo ở sau vận theo bên phải ở Lao Cung thổi hơi mát vào, dùng để lui cơn sốt, lui cơn sốt cao.

3)- Ôn nhiệt - Phượng đơn tiền xí (1 con phượng xòe cánh).

- Cách làm: Dùng ngón cái phải bấm ở tổng cân, 4 ngón ngựa bay ở sau ngón cái. Ngón cái vừa làm vừa bay, làm như thế cho đến Quan Trung 5 ngón tay lấy huyết mà bấm.

4)- Ôn lương - Đà mã quá hà (Đánh ngựa qua sông): Vận về phía phải của Lao Cung xong, cong ngón tay lên búng vào Nhị Gian, Tương Trì, Gian Sứ, bờ Thiên Hà, Muốn sinh mát lui nhiệt thì dùng.

5)- Phi kinh tẩu khí (Khí chạy như bay ở kinh) trước hết vận 5 kinh, sau bảo xòe 5 ngón riêng ra, dùng ngón tay đánh gõ vào chỗ Quan Trung như thể là vận khí hành khí trị bệnh thì dùng. Lại còn lấy 1 ngón tay ở Tâm kinh đến hoành văn, lấy 1 ngón tay ấn ở khí quan để thông khiếu.

6)- Ấn Huyền, Thác Xa (Ấn, Căng, Miết, Xát) trước hết vận Bát quái, sau dùng bàn tay miết trên bàn tay người bệnh, 1 miết ở Quan Thương, 1 miết ở Quan Trung, 1 miết ở Quan Hạ (Nội Quan ở cổ tay) Cầm bàn tay bệnh nhân, nhẹ nhẹ từ từ mà lắc. Muốn hóa đàm thì dùng.

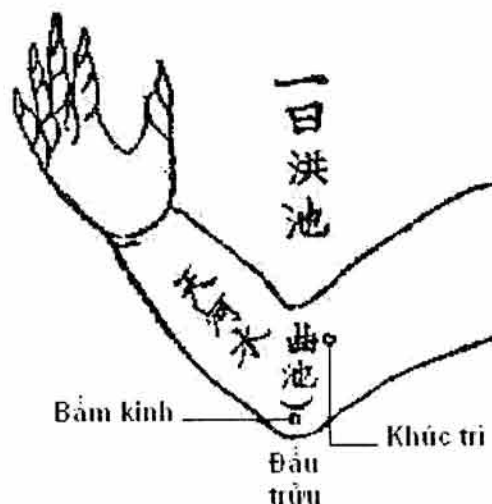
- 7)- Thiên môn nhập Hồ Khẩu (Cửa trời vào miệng cọp): Dùng ngón tay cái tay phải bấm vào Hồ Khẩu trẻ em, ngón giữa bấm đi về Thiên Môn, ngón trỏ bấm đi Tổng Vỵ, lấy 5 ngón tay trái chụm lại ấn vào đầu khuỷu, nhẹ nhẹ từ từ mà lắc, cũng là sinh khí, thuận khí vậy ! Lại có phép nữa: Ấn từ cung Đoài qua cung Khảm cấp vào Hồ Khẩu dùng để thanh Tỳ.
- 8)- Viêm hầu chích quả (Vượn, Khí hái quả): Lấy 2 ngón tay kẹp da chỗ hoa sự (Chỗ đầu lồng xương trụ và xương quai ở cổ tay, phía mu tay. Lôi ra. Muốn tiêu thực thì dùng.
- 9)- Xích phương giao đầu (Phượng đỏ lắc đầu): Lấy 2 tay ôm lấy đầu đứa trẻ mà lắc, chỗ ôm là phía trên và trước tay một ít, để trị kinh.
- 10)- Nhị long tranh châu (Hai con rồng tranh ngọc): Dùng 2 tay kẹp 2 vành tai đứa trẻ mà vò - Trị kinh phong, Mắt lắc về bên phải thì vò mạnh bên trái, Mắt lắc về bên trái thì vò mạnh bên phải.
- 11)- Đơn phượng giao vĩ (Một phượng vẫy đuôi): Lấy một tay bấm Lao Cung, một tay bấm Tâm kinh lắc trị kinh.
- 12)- Hoành phong nhập động (Ong vàng vào động): Gập ngón út trẻ em lại day Lao Cung. Khử phong hàn.
- 13)- Phượng hoàng vỗ cánh: Bấm 2 huyệt Tinh Minh, Uy Linh lắc động về trước và sau. Trị thũng vàng (sung má màu vàng).
- 14)- Độc loan du phi (1 con chim loan bay chơi) Lấy ngón cái đẩy từ cạnh ngoài Tỳ thổ, qua Tam quan, Lục phủ, Thiên hà, cạnh Lao cung, lại về đúng Tỳ thổ.
- 15)- Vận Thủy nhập thổ (Vận nước vào đất) Lấy 1 tay đẩy từ Thận kinh qua Đoài, Cấn, Khảm, Cấn đến Tỳ Thổ thì ấn vào đó. Chứng Tỳ Thổ quá vượng, Thủy hỏa không thể ký tế thì dùng, Còn dùng thì Tỳ Thổ hư nhược.
- 16)- Vận Thổ nhập Thủy (Vận Thổ vào Thủy) cứ theo cách trên mà làm ngược lại trị Thận Thủy tâm số không hợp lại, lại trị tiểu tiện sắc đỏ tặc.
- 17)- Lão hán bản tăng (Ông già kéo chì): Lấy 1 tay bấm ở góc xương gốc ngón cái (Xương bàn tay ngón 1) 1 ngón tay bấm ở Tỳ kinh mà lắc. Trị có báng (Bĩ khoái).
- 18)- Đầu trừu tẩu khí (Khí chạy ở đầu khuỷu) lấy 1 tay nắm đầu khuỷu mà lắc xoay chuyển (Con trai thì ở bên trái con gái thì ở bên phải, một tay nắm tay trẻ em mà lôi lắc, trị báng (bĩ).
- 19)- Vận Lao Cung (Vận ở huyệt Lao Cung): Cong ngón tay trở day vòng tròn ở huyệt Lao Cung. Vận bên phải cho mát đi, vận bên trái cho ra mồ hôi.
- 20)- Vận Bát quái (Vận theo chiều của Bát Quái từ Cấn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài) Trai tay trái, gái tay phải. Mở ngực, hóa đờm.
- 21)- Vận Ngũ kinh (Vận ở 5 kinh): Vận từ kinh ở ngón cái, làm lượt qua 5 kinh (nếp gấp có chữ kinh) Làm động khí ở Tạng phủ.
- 22)- Thôi tứ hoành (Đẩy ở 4 nếp ngang, từ nhất hoành văn đến tứ hoành văn): Có thể hòa khí ở trên và dưới - Chữa khí xuyên và đau bụng.
- 23)- Phân âm dương (Chín âm - dương) Gập bàn tay trẻ nhỏ và úp xuống, mu bàn tay lên trên, từ giữa khớp ngón 4 đi làm 2 phía xuống (Vuốt rẽ ra). Phân lợi khí huyết.
- 24)- Hòa âm dương (Hợp âm dương lại): Từ ở 2 phía dưới hợp lên. Dùng để lý khí huyết.
- 25)- Thiên hà thủy: Đẩy từ dưới lên Thiên Hà Thủy, ấn từ Thiên Hà Thủy tới Gian Sứ: Để lui nước ở Thiên hà.
- 26)- Khấp Hậu Khê (Bấm Hậu Khê): Đẩy lên là Thanh, đẩy xuống là Bỏ. Nước đái đỏ tặc, nên Thanh. Thần kinh hư nhược nên bỏ.

27- Kháp quy vỹ (Bấm đuôi rùa), Bấm ở Quy Vỹ, thêm phép xoa rốn, chữa trẻ em ỉa ra nước (Thủy tả), bị nhiều bọ màu đen (Ô-Ga), cổ chướng, phong lở rốn, trẻ em xoắn ruột (Bản trường) mà làm kinh.

28- Nhu tề pháp (Phép day rốn): Bấm đầu khuỷu lồi ra, lại lấy ngón cái tay phải chà xát quanh 1 lượt đi, 1 lượt lại 1 bên bấm gần dưới đầu khuỷu (Chỗ Thiên Tĩnh) 1 bên bấm gần chung trên Khúc Trì - Trì cấp kinh.

29- Chi thổ tả pháp (Phép cầm thổ tả):

- Cào từ Bản Môn đến đốt 1 ngón giữa (Từ ngoài vào) chủ gây nôn.
- Đẩy từ đốt 1 ngón giữa lên để cầm nôn.
- Đẩy từ Bản Môn về hướng Hoành Môn mà bấm cầm ỉa chảy.
- Đẩy từ Hoành Môn về hướng Bản Môn mà bấm cầm nôn mửa.
- Lôi nếp ngang trong đĩnh mu bàn tay ngón thứ tư. Chủ nôn (gây). Lại lên trên đó chủ cầm nôn.
- Nạo từ mu bàn tay đến chỗ đốt 1 ngón giữa chủ ỉa (gây).
- Bấm cạnh ngoài đốt 1 ngón giữa. Cầm ỉa.
- Nếu bị Thủy kinh (gặp nước phát co giật) thì ở Bản Môn đại lãnh.
- Như bị phong kinh - Ở Bản Môn đại nhiệt.
- Như bị kinh hách (Bị cáu mà phát kinh) vừa nhiệt, vừa lạnh, trước hết là xòe gang 5 ngón tay, khi cần phân biệt lạnh sốt.
- Như ỉa chảy đại vàng là nhiệt. Ỉa đại nước trong là hàn, đẩy ở ngoài Tỳ để bổ hư, chỉ tả.



Nam tay trái - Nữ tay phải

ĐẦU TRỪU ĐÒ

Thủ lục cân (Tùng đại chỉ biên hướng lí số dã)

手六筋 (從大指邊向裏數也)

(Sáu gân ở tay)

Sáu gân tay, từ bờ ngón cái đếm vào phía trong.

+ Thứ nhất Xích Cân (Gân Đỏ): Gân nổi, dương, thuộc hỏa, ứng Tâm và Tiểu Trường. Chủ quận bụng (Hoác Loạn), ngoài thì dương tự nhiên tan ngay. Lại bấm đi từ Bản Môn xuống gân này, xuống 5 gân kia cũng phỏng theo đó.

+ Thứ nhì Thanh Cân (Gân Xanh) là thuần dương thuộc Mộc ứng với Can và Đâm, chủ ôn hòa, Ngoài thì thông với 2 mắt. Ngược lại là đỏ, tắc nhiều nước mắt. Bấm lùi về hướng Khâm Vị, hai mắt tự nhiên sáng.

+ Thứ ba Tổng Cân (Gân Chung) Vị ở giữa thuộc Thổ, tổng của ngũ hành, ứng với Tỳ và Vỵ. Chủ ẩm áp, ngoài thì thông với tứ Đại Bản Môn. Ngược lại thì chủ quận bụng, sôi ruột, thổ tả, lỵ. Bấm ở giữa đến đây làm cho tứ chỉ thư xuống.

+ Thứ tư Xích Đạm Hoàng Cân (Gân Đỏ Vàng Nhạt) ở giữa chỗ đường phân giới đủ cả Hỏa Thổ nên ứng với Tam Tiêu. Chủ về nửa nóng, nửa rét. Ngoài thì thông với Tứ Đại Bản Môn, điều đi toàn thân. Ngược lại thì chủ chứng tỏa tắc. Bấm lùi về hướng Trung Cung thì nguyên khí lưu thông, trừ được nạn tỏa tắc.

+ Thứ năm: Bạch Cân (Gân Trắng) là độc Âm thuộc Kim, ứng với Phế và Đại Trường. Ngoài thì thông với lỗ mũi. Ngược lại thì ngực cách chừng mẫn, não mờ sinh đàm, bấm từ đường giới và sau

+ Thứ sáu: Nặc cân (Gân Đen) là trong độc thuần âm, ứng với Thận và Bàng Quang. Chủ khí lạnh, ngoài thông với 2 tai. Ngược lại thì chủ khèo chân, teo gầy, hôn trầm (mê mết). Lùi đến Khâm Vị thì bấm.

- Trong nóng ngoài rét: Bấm thì Phù Cân thì hết (Xích Cân - Nổi)

- Bệnh làm lạnh, bấm Dương cân (Gân Đỏ): Ra mồ hôi ngay.

- Các thứ kinh phong, bấm Tổng Cân đều chữa được.

- Bệnh làm rét, bấm Tổng Cân (Xích Đạm Hoàng Cân) chuyển thành nóng ngay.

- Bệnh làm nhiệt, bấm Âm Cân thì chuyển thành mát ngay.

- Bệnh làm trong nóng, ngoài cũng nóng, bấm Thận Cân thì hết.



LỤC CÂN ĐỎ

Thủ diện đồ

手面圖

(Hình mặt bàn tay)

- Ở Tý Thổ: Màu đỏ, chủ ăn phải thức nhiệt. Màu xanh, chủ ăn phải thức hàn.
- Đại Trường kinh: Máu đỏ hồng, chủ tả lý. Màu xanh, chủ cổ chương.
- Tiểu Trường kinh: Màu đỏ, chủ tiểu tiện không thông. Màu xanh, chủ khí kết.
- Tâm kinh: Màu đỏ hồng, chủ thương hàn. Màu xanh, chủ hay bị đậu.
- Tam Tiêu kinh: Màu xanh, hồng, chủ thượng tiêu hỏa động, 1 nóng, 1 rét. Màu tím chủ Trung tiêu hỏa động phát đốt. Màu xanh chủ Hạ tiêu, động âm bộ.
- Phế kinh thấy gân thường ho, chủ đàm nhiệt.
- Can kinh màu đỏ hồng, chủ thương thực. Màu xanh tím chủ, bị khoái (Hòn cục ở bụng)
- Thận kinh thấy gân, chủ tiểu tiện tắc, Màu đỏ thì nhẹ. Màu xanh thì nặng.
- Mệnh môn: Màu xanh, hồng chủ nguyên khí hư. Màu xanh đen chủ kinh.
- Năm đầu chót ngón tay lạnh, Ngón giữa lạnh, chủ lên sỏi.

Trong bàn tay có 5 màu thuộc 5 tạng, các kinh mạch đều ẩn không thấy, là nó phục ở giữa lòng bàn tay, đưa đèn vào mà soi, mới có thể phân biệt được chứng hậu, lâm phát hãn cho nó xuất ra biểu. Cũng có khí trên chỗ giữa lòng bàn tay, gần phía trên, phía dưới có gân, không rõ hình rõ sắc, đem kinh nghiệm ra mà chữa.

Kháp túc quyết (Phàm kháp nam tả thủ hữu túc nữ hữu thủ tả túc)

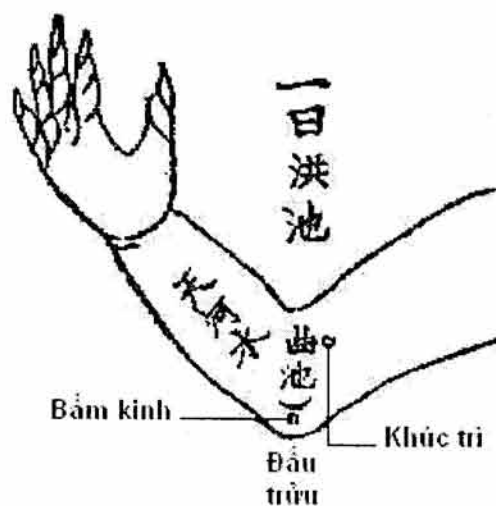
搯足訣 (凡搯男左手右足女右手左足)

(Lời quyết bấm ở chân)

Phàm bấm ở con trai, tay trái và chân phải. Ở con gái, tay phải và chân trái.

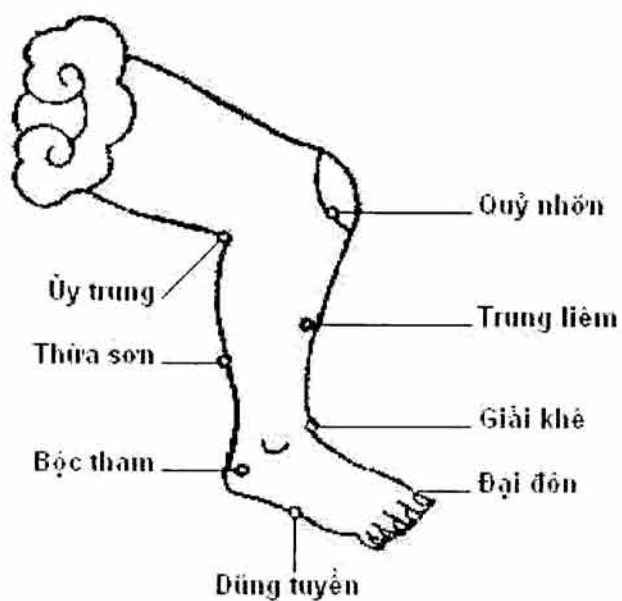
- Đại Đôn: Trị Loan trào kinh. Huyệt này vẫn bấm, lại cũng day được.
 - Giải Khê: Trị nội điều kinh (Còn có tên là Hải Đới phong), ngửa ra phía sau. Huyệt này vốn bấm, day cũng được.
 - Trung Liêm (Giữa cạnh ống chân): Trị kinh đến cấp tốc, bấm đó, day cũng được.
 - Dũng Tuyền: Trị thổ tả, con trai, day, xoay trái, chỉ thổ day xoay phải, chỉ tả. Con gái thì ngược lại.
 - Bộc tham: Chữa gót chân co nhảy, miệng cắn. Day xoay trái bổ can khí nôn. Day xoay phải bổ sau khi ỉa.
- Lại chữa kinh, chữa ỉa chảy, chữa nôn: Bấm ở đó và ngón giữa của chân thì khỏi.
- Thừa sơn: Trị phát sốt, thờ to. Bấm ở đó, day cũng được.
 - Ủy trung: Chữa chứng vọng tiền phác (Hai tay đánh và mắt nhìn về phía trước). Bấm ở đó.

Đầu trừu đồ - Cốc huyết đồ



Nam tay trái - Nữ tay phải

ĐẦU TRỪU ĐỎ



Nam chân phải - Nữ chân trái

CỐC HUYỆT ĐỎ

Trị tiểu nhi chư kinh thôi nhu đẳng pháp

治小兒諸驚推揉等法

(Các phép đẩy day, trị mọi thứ kinh của trẻ em)

+ Thứ nhất - Xà ty kinh:

Do ăn uống vô độ, cái mệt trú ngụ, làm thương thần, lưỡi co, tứ chi lạnh, miệng ngậm vú mẹ, mỗi lần phun thì ra một đường khói xanh, trên bụng nổi gân xanh thờ gấp, kinh Tâm có nhiệt.

Đẩy Thiên Hà Thủy 200 lần, lui ở Lục Phủ 100 lần, Vận Bát Quái 100 lần, đẩy Tam Quan 50 lần, Vận Thủy Nhập Thở, 50 lần, Vận Ngũ Kinh 50 lần, Thủy đề Lao Nguyệt 50 lần, dùng ngón đốt ở trước ngực 4 mỗi, ở trên đầu lỗ đi đái: Lấy móng tay bấm nhẹ một cái, lấy xác rắn quấn quanh càng tốt.

+ Thứ 2 - Mã đề kinh:

Do ăn thịt độc, nhiệt ở Tỳ, Vị, Tứ chi múa loạn, cũng còn vì phong bị nhiệt.

Đẩy Tam Quan, Phê kinh, Tỳ thổ, cả 3 chỗ đều 100 lần, vận Bát Quái 50 lần, vận Ngũ Kinh 70 lần, Đẩy Thiên Hà Thủy 300 lần. Thủy đề Lao Nguyệt 20 lần, Phi kinh tẩu khí 20 lần. Bấm huyết Thiên Tân, Tổng Cân, Tâm Cân. Đốt ngón ở giữa lòng bàn tay, đầu, vai, dưới hầu, đều 1 mỗi. Khí không tăng, không giảm thì bấm ở Phù Cân.

+ Thứ 3 - Thủy tả kinh:

Do ăn sữa sống lạnh quá độ (Mẹ ăn chất sống lạnh làm cho sữa bị lạnh) mà gây ra. Tạng phủ đại hàn, bụng sôi, người mềm nhũn, môi trắng, mắt lác.

Đẩy Tam Quan 100 lần, Phân âm dương 200 lần, đẩy Thái Dương 200 lần. Hoàng phong nhập động 20 lần, nhớ lấy lòng bàn tay day rốn và Quy vĩ đều 50 lần, Trai tay trái, gãi tay mặt, xong đốt ở Giáp Xa 2 bên đầu 1 mỗi, Lại đẩy ở giữa mu bàn tay, tổng cân, trên gót chân.

+ Thứ 4 - Triều nhiệt kinh:

Do đói ăn, thương bào (Dạ dày) nên ăn uống không nạp. Tỳ, Vị hư nhược, ngũ tâm phiền nhiệt, nóng toàn thân, thờ to, miệng khát, chân tay thường co dúm, mắt đỏ.

Đẩy Tam Quan mười lần, đẩy Phê kinh 200 lần, đẩy Tỳ Thổ 100 lần, vận Bát Quái 100 lần, phân Âm Dương 100 lần, Nhị phiền môn 20 lần, có mồ hôi rồi, lại thêm lui ở Lục Phủ 20 lần, Thủy đề lao nguyệt 20 lần.

+ Thứ 5 - O sa kinh:

Do ăn thứ sống lạnh quá nhiều, hoặc đứng hóng gió mà ăn, huyết biến thành nốt đen, khắp người đen bóng, gân xanh vắt ngang mi, bụng cổ trướng, môi đen, 5 tạng đều lạnh.

Đẩy Tam Quan 200 lần, Tỳ Thổ 200 lần, vận Bát Quái 100 lần, Tứ hoành văn 50 lần, Hoàng phong xuất động 20 lần, Nhị phiền môn 30 lần. Phân âm dương 30 lần. Nhớ lấy lòng bàn tay day ở rốn 50 cái chủ Thổ tả.

Trên bụng mà nổi gân xanh, trên chỗ gân xanh chụm lại cứu 7 mỗi, trên lưng cũng cứu ở đầu trên mép gân xanh 1 mỗi. Lại lấy 1 bát đất giã nhỏ pha 1 chén dầu cho vào chảo sao qua bọc vào túi đem xoa khắp mình mẩy, từ đầu đến chân, dẫn cho nốt đen về chân rồi dùng kim khâu phá ra, lại hơ lửa ở 4 lòng bàn tay và chân.

+ Thứ 6 - Lão Nho kinh:

Do khi nuốt sữa bị dọa, Tâm kinh có nhiệt, kêu to 1 tiếng là chết ngay.

Đẩy Tam Quan 30 lần, Thanh thiên hà Thủy 100 lần, Bồ Tỳ Thổ 100 lần, vận Bát Quái 100 lần, Thanh thận Thủy 50 lần, Thanh môn nhập Hồ Khẩu, day đầu khuỷu tay, đốt Não Môn (thóp) trên dưới góc mép, đầu vai, giữa lòng bàn tay, gân gót chân, giữa lòng mày, giữa mu bàn tay, ở cầu mũi, các chỗ đều 1 mỗi.

Nếu tỉnh lại mà thở gấp thì bấm Bách Lao (Đại Chùy) nôn sữa thì bấm giữa lòng bàn chân, hoặc cổ chân quặt lại sau, bàn tay quặt lên thì xoa rộng ở vòng quanh cả chân. Lấy 1 củ Tỏi già, khô già nhỏ, Lấy củ Mã Đề (Xa tiền thảo) già nhỏ trộn với nước (cả 2 thứ) đắp lên chỗ lổm ở Tim (Tâm Xa) hoặc cho trẻ uống một ít.

+ Thứ 7 - Túc (Cá Trắm) Ngư kinh:

Do rét mà bị kinh, Phong đàm kết tủa. Khí sữa không kết, trong miệng nôn ra những hạt trắng nhỏ, tứ chi rung động, mắt lác là Phế kinh có bệnh.

Đẩy Tam Quan 100 lần, đẩy Phế kinh 100 lần, đẩy Thiên hà Thủy 50 lần, Ấn huyền thác ma và vận ở Ngũ kinh đều 50 lần, bấm Ngũ chỉ tiết 3 lần.

Đốt ở Hồ Khẩu trên tín môn (Thóp), trên dưới góc mép đều mỗi chỗ 4 mỗi dưới rốn 1 mỗi, giữa mu bàn tay 1 mỗi.

Trẻ em nửa tuổi, lấy lưới bắt cá, rửa vào nước nóng để lấy cái dãi cá cho uống, từ 1-2 tuổi lấy cá Trắm già nhỏ, đốt thành tro, hòa với sữa hoặc dấm cho nuốt, uống.

+ Thứ 8 - Đỗ (bụng) cổ kinh:

Ăn uống làm thương Tỳ Thổ, về đêm ăn uống nhiều quá Vị không khắc hóa được, khí trệ, bụng nổi gân xanh, cổ trướng mắt trắng dã, ngũ tạng đều hàn.

Đẩy Tam Quan 100 lần. Đẩy Phế kinh 10 lần, đẩy Tỳ thổ 200 lần. Vận Bát Quái 50 lần. Phân Âm Dương 50 lần. Nhớ lấy tay day rốn 50 lần. Huyệt Tinh Minh 10 lần. Ấn Huyền thác ma 10 lần trên chỗ gân xanh chụm lại đốt 4 mỗi. Nếu ỉa chảy đốt trên xương Quy Vĩ 1 mỗi. Nếu nôn đốt 4 mỗi ở trên dưới chỗ lổm tim (Tâm). Chân mềm nhũn đốt ở Quý Nhẫn 1 mỗi. Tay mềm nhũn, riêng cạnh Khúc Trì mỗi bên 1 mỗi. Đầu mềm, đốt Thiên Tâm và trên dưới rốn đều 1 mỗi. Nếu không mở miệng đốt ở Tâm Oa 1 mỗi.

+ Thứ 9 - Dự đề kinh:

Do ăn các thứ ngọt cay mà hao tán vinh vệ, khí kêu thì tứ chi co gãy, khóc không ra tức là bị dọa, Tâm kinh có nhiệt.

Đẩy ở Tam Quan 20 lần. Thanh thiên hà Thủy 200 lần. Thoái ở Lục Phủ 100 lần. Phân Âm Dương 50 lần. Thanh Thận Thủy 50 lần, Thủy đề lao nguyệt 50 lần.

+ Thứ 10 - Túc sa kinh:

Đến về đêm thì mê mết, bất tri nhân sự, miệng mắt méo lệch, chân tay co nhảy, nóng rét không đều.

Đẩy Tam Quan 50 lần. Thoái Lục Phủ 50 lần, Bồ Tỳ thổ 50 lần, Bấm ngũ thủ chỉ 10 lần. Phân Âm Dương 10 lần, huyền thác ma.

+ Thứ 11 - Cấp kinh:

Do ăn sống lạnh, tích độc mà thương Vy. Trong Phế có phong, đàm ở trong tim và kinh lạc của Tâm. Ngón tay bấm vào lòng bàn tay, tứ chi co nhảy, miệng mắt méo lệch một cơn kinh dễ chết

Đẩy Tam Quan 20 lần, Tỳ thổ 20 lần. Ngũ vận kinh 20 lần. Viên hầu chích quả 20 lần. Đẩy Phế kinh 50 lần. Vận Bát Quái 50 lần. Đẩy Tứ hoành văn 50 lần. Bấm Ngũ thủ chỉ tiết 3 lần. Đốt ở cầu mũi, giữa lòng mày, giữa chỗ cao của mu bàn tay, tổng cân, Hải đối (Vòng

quanh khớp cổ chân). Lấy gừng sống giã ra trộn với dầu nóng (Tràm, Quế, Con Hồ) mà bôi hoặc bấm chỗ Âm Dương ở cổ tay.

+ Thứ 12- Nan kinh:

Do trong khi ăn, bị kinh co giật. Tỳ kinh có đàm, răng cắn chặt, miệng mắt méo lệch, mắt nhắm, tứ chi kéo nhảy, co đập, trong tim mê muội, tức là Tỳ, Thận hao bại, sốt rét lâu dài, bị dọa nạt.

Đẩy Tam Quan 100 lần. Bỏ Tỳ thổ 200 lần, Đẩy Phế kinh 200 lần. Vận Bát Quái 50 lần. Bấm Ngũ chỉ tiết 20 lần. Xích phương giao đầu 20 lần, Thiên môn nhập Hồ khẩu 10 lần. Day đầu khuỷu 10 lần. Vận Ngũ Kinh 30 lần. Nếu bất tỉnh nhân sự thì bấm giữa huyết Tổng Cân, hoặc bấm ở gân xanh to nhỏ ở trên mũi. Nếu ở Tim mê muội thì bấm ở giữa lông mày, lâu càng tốt. Hai Thái dương và chỗ giữa mu bàn tay dùng dầu nóng mà xoa.

Đốt ở trên dưới chỗ lõm của Tim 3 mỗi, giữa lòng bàn tay, bàn chân, mỗi chỗ đều 4 mỗi. Nếu khí chẳng tiến chẳng xuất, đốt ở giữa 2 lòng bàn tay, trên 2 đầu vai, dưới hầu, mỗi chỗ đều 1 mỗi.

+ Thứ 13- Tê phong kinh:

Do khi cắt rốn, phong độc nhập vào rốn, mồm nôn nước bọt trắng, tứ chi co động, ngón tay chụm mắt lệch trái phải chứng này buổi sớm phát cơn 3 đến 7 lần, 2 góc mắt nổi viên vàng, đêm thì kêu gào, ở trong miệng và chỗ cao của hầu có nốt bào trắng, lấy kim khâu phá cho máu ra thì khỏi ngay.

Đẩy Tam Quan 11 lần, Phế kinh 11 lần. Đốt ở Tín Môn 4 mỗi. Chỗ buộc rốn 4 mỗi. Dưới hầu 1 mỗi, giữa Tim một mỗi.

+ Thứ 14 - Uyên cung kinh:

Do ăn uống hoặc nóng, hoặc lạnh thương ở Tỳ, Vị. Đàm lạnh tỏa ở Phế Kinh. Tứ chi ngửa ra phía sau, khóc không ra tiếng.

Đẩy Tam Quan 100 lần, bỏ Thận Thủy 100 lần. Vận Bát Quái 100 lần. Xích Phương giao đầu 20 lần. Đẩy Tứ hoành văn 20 lần. Phân âm dương 20 lần. Đẩy Tỳ thổ 200 lần. Chân duỗi ra phía sau, đốt ở trên dưới đầu gối đều 7 mỗi. Trên chỗ xanh chụm nhau đều 7 mỗi. Dưới hầu 2 mỗi. Bàn tay quặt ngửa ra sau nhờ bấm Nội Quan.

+ Thứ 15 - Thiên điều kinh:

Do người mẹ ngồi chỗ gió cho ăn sữa mà bị. Phong đàm ở miệng, dạ dày, đầu ngửa oặt ra sau, chân duỗi về phía sau bàn tay quặt ra phía sau, Phế kinh có nhiệt.

Đẩy Tam Quan, bỏ Thận Thủy, cả 2 đều 50 lần. Đẩy Tỳ Thổ 100 lần. Phân Âm Dương 100 lần. Đẩy Phế kinh 200 lần. Phi kinh tẩu khí 10 lần.

Đốt ở Tổng cân, hải đới, dưới hầu đều 1 mỗi. Đốt ở rốn 4 mỗi. Bấm ở Đại Lăng 1 cái. Bấm ở Tổng huyết 3 cái. Nếu mắt lác không giảm, đốt ở Tín Môn 4 mỗi. Hai lông mày 2 mỗi. Bấm ở dưới dải tai, lại bấm ở huyết Tổng Tâm trở xuống. Lại còn dùng 1 cái dùi (Ô) cầm tay, lấy 1 con ngỗng, ngoặc cổ ngỗng dưới cán dùi, đâm vào cổ con ngỗng lấy nước dãi con ngỗng cho trẻ ăn, rất hay.

+ Thứ 16 - Nội điều kinh:

Do nằm ở chỗ gió, ngủ mà bị mưa gió, phong đàm quá thịnh, tiếng khóc không dứt, khắp người rung động, mí mắt xanh vàng, mắt nhìn về phía trước và co vào trong, Tỳ kinh bị bệnh nó ở giữa không phải là xuống là vì thế.

Đẩy Tam Quan 50 lần. Vận Thủy nhập thổ 50 lần. Đẩy Phế kinh, đẩy Tỳ Thổ, phân Âm Dương đều 100 lần. Vận Thổ nhập Thủy 200 lần, Ấn huyền thác ma 50 lần.

Dùng Trúc Lịch (Vòi Tre) cho trẻ em uống nuốt, tay co rút lại dùng Trà cảm, Muối phi (Muối đã sao cho nở hết) mỗi thứ 2 đc giã nhỏ, Tạo Giác (Bồ Kết) tán nhỏ 5 phân, Hoàng Lạp (Sáp ong màu vàng) 2 đc, rượu và dấm mỗi thứ đều nửa chén, bỏ vào chảo, đảo nặn thành bánh, đem dán vào chỗ lõm tim, 1 giờ sau, bỏ ra trộn lại, lấy 3 giọt Nhựa Táo, 3 hạt Hạnh Nhân (Mận) nước mài Bạc (Ngân Ma thủy) thêm vào, lại làm thành bánh dán vào lòng bàn tay, bàn chân thì yên + Thứ 17- Thai kinh:

Do người mẹ khi mang thai ăn phải Thịt độc, bị làm quá sức (Lao phạt), đứa trẻ rơi xuống đất, lên cơn hoặc cứng hoặc mềm, miệng không mở, giống nét miệng câm, tức là khi ở trong bụng mẹ bị trúng độc.

Đẩy Tam Quan 30 lần. Phân Âm Dương 100 lần. Lui ở Lục Phủ 50 lần, Phi kinh tẩu khí 20 lần. Vận ngũ kinh 20 lần. Thiên Môn nhập Hồ Khẩu 20 lần. Nhu đầu trừu (Day mồm khuỷu tay) 20 lần. Bấm Ngũ Chỉ Đầu (5 đầu ngón tay) Nếu chưa tỉnh đốt hơ ở rốn 4 mỗi. Nếu tỉnh mà mồm chưa há ra, dùng vú mẹ (của đứa trẻ) day ở chỗ lõm tim của đứa trẻ, Nếu bụng nổi gân xanh cứu ở trên chỗ gân xanh chụm vào nhau là 7 mỗi, dưới hầu là 3 mỗi.

+ Thứ 18 - Nguyệt gia kinh:

Do người mẹ hóng gió mà ngủ, hoặc do ngủ nhiều, hoặc đứa trẻ trong 1 tháng mà bị gió, đàm tóa ở miệng tim, chuyển sang mắt đỏ, miệng chúm lại, ngón tay bấm vào bàn tay, đầu nghẹo về một bên, khóc không ra tiếng, bụng nổi gân xanh, nửa tháng thì lên, bụng khí cấp. Người mẹ ăn nhiều đồ xào rán cũng thường gây nên.

Đẩy Tam Quan 100 lần. Đẩy Phế kinh 100 lần. Vận Bát Quái 50 lần. Đẩy Tứ hoành văn 50 lần. Song long giao vĩ 20 lần. Bấm đầu ngón giữa. Lao Cung, Bàn Môn. Nếu không hiệu, đốt trên chỗ gân xanh chụm lại ở bụng 7 mỗi trước ngực (Chiên Trung) 7 mỗi. Hơ ở rốn 4 mỗi. Bách Lao 2 mỗi thì yên.

+ Thứ 19- Bàn trường kinh (Xoán ruột):

Do bú phải sữa của người mẹ ăn phải thịt tươi, sống, làm thương ở Tạng Phủ, bụng lạnh đau, không chịu bú, người gầy yếu, nổi gân xanh, mắt vàng, tay mềm, Lục Phủ có hàn.

Đẩy Tam Quan, Tỳ Thổ, Đại Trường, Thận kinh đều 100 lần, Vận thổ nhập Thủy 50 lần. Xoa rốn và hơ lửa.

+ Thứ 20 - Tiêu tâm kinh:

Do ăn đồ ăn tươi sống, quá mức, hao thương vinh vệ, mũi như máu tươi, miệng hồng, mắt trắng, tứ chi mềm yếu, thèm ăn tươi sống, đều là do Hỏa thịnh.

Đẩy Tam Quan 20 lần, Thanh Tâm kinh 300 lần. Thoái lục phủ 100 lần, Phân Âm Dương 100 lần. Vận Bát Quái 50 lần. Thanh thận Thủy 100 lần. Thủy đề Lao Nguyệt 50 lần. Phi kinh tẩu khí 50 lần (Vận Bát quái sau Thanh Thận Thủy).

+ Thứ 21- Ứng trào kinh:

Do lúc bú mà bị kinh, đang đêm bị dọa, 2 tay cào loạn, tay nắm không mở, ngửa mặt mà kêu gọi, mình rét run, móng tay quặp trở xuống, mặt ngửa trở lên là Phế kinh có nhiệt, Tâm Kinh có phong.

Đẩy Tam Quan 20 lần. Thanh thiên hà Thủy 200 lần. Đẩy Phế kinh 100 lần. Thanh Thận Thủy 100 lần. Đả mã quá hà 10 lần. Nhị long tranh châu 10 lần. Thiên Môn nhập Hồ Khẩu. Nhu đầu trừu, bấm ở khuỷu tay, chân (Ủy trung, Xích trạch).

Đốt ở đỉnh đầu và giữa lòng bàn tay, đều 1 mỗi. Ở giữa mu bàn tay, giữa lòng mày, ở Thái Dương cũng đốt lấy triền phẩn, vây quanh rốn 1 vòng, ở huyết Đại Đôn day hoặc hơ lửa.

+ Thứ 22 - Ấu nghịch kinh:

Do đêm ngủ thường lạnh, thường ăn thứ sống lạnh. Vị hàn, chướng bụng, tứ chi lạnh, bụng sôi đau, mắt trắng đã ọc sữa, nôn ngược.

Đẩy Tam Quan, Phế kinh đều 100 lần, Đẩy Tứ Hoành Vãn 50 lần. Phượng hoàng triển dực 10 lần. Cứu chỗ lõm tim, Trung Quân đều 1 mỗi.

+ Thứ 23 - Tán thủ kinh:

Do bú sữa không đều, lạnh nóng không điều hóa, có sự thương tang ở bụng. Trẻ em rét trước nóng sau, chân thì 1 co rúm, 1 duỗi đạp, hàm răng cắn nhai, mắt trắng đã, 2 tay thì xòe, 1 tay cứng đơ ra.

Đẩy Tam Quan 100 lần, Tỳ Thổ 100 lần, Vận thổ nhập Thủy 50 lần. Vận Bát Quái 50 lần. Xích phượng giao đầu 50 lần. Nhớ 2 tay cùng làm bấm ở cạnh hoành vãn. Nếu chưa tỉnh thì bấm đầu ngoài cái. Khí trên dưới bế thì bấm Nhị phiến môn và Nhân Trung. Mũi không thấy khí thở ra hít vào hoặc hơi thở to mà nóng rét thì bấm Thừa sơn, giữa lông mày, sau là hơ Tổng Cân và trên mu 2 bàn tay đều 2 mỗi.

+ Thứ 24- Đàm thủ kinh:

Do thường ngủ ở nơi thấp khí, hoặc ăn thứ độc, làm thương Tỳ thổ, mắt vàng, miệng đen, hôn mê, bấm không biết đau, 2 tay thì đưa ra sau, 1 như người gánh mà chết là vậy:

Bấm ở Thái Âm, Thái Dương.

Đẩy ở Tam Quan, Tỳ Thổ, Phế kinh, Phân âm dương tất cả đều 100 lần. Hoàng Phong nhập động 10 lần. Phi kinh tẩu khí 20 lần. Thiên Môn nhập Hồ Khẩu 20 lần. Nhu đầu trừu 20 lần. Hơ giữa lông mày và Tín Môn đều 4 mỗi. Lõm tim 7 mỗi, Khúc Trì 1 mỗi.

+ Thứ 25- Khản địa kinh:

Do ăn sữa bị kinh, hoặc đêm ngủ bị dọa, hoặc ăn uống lạnh nóng, hai mắt nhìn xuống đất, 1 con kinh là chết, miệng méo, ngón tay nắm vào lòng bàn tay, đầu rũ xuống không cất dậy được.

Đẩy Tam Quan 30 lần. Thiên Hà Thủy 200 lần. Xích phượng giao đầu 10 lần. Đẩy Tỳ thổ 8 lần, xuống. Làm Ấn huyền thác ma. Hơ đốt ở rốn, Nảo Môn đều 4 mỗi. Dưới hầu 2 mỗi. Dùng than Bồ Kết tán nhỏ cho nước tiểu và niệu kiểm (Cặn nước tiểu) sấy khô, đem đắp lên Tín Môn thì khỏi ngay.

+ Thứ 26 - Y đăng kinh:

Hai tay như kiểu ngồi trên ghế đầu. Đẩy Tam Quan 100 lần. Nhị phiến môn 10 lần. Phi kinh tẩu khí 10 lần. Phi âm dương 50 lần. Vận Bát Quái 50 lần.

Hơ Khúc Trì 4 mỗi. Hồ Khẩu 4 mỗi. Nếu giờ Tý dấy cơn thì có thể cứu thoát, chỉ nên chùi lau ẩm, hơ ở nếp nhăn to ở mồm (Địa Thương).

+ Thứ 27 - Tọa Địa kinh:

Giống như ngồi bật xuống đất:

Đẩy Tam Quan, day Ủy trung, day rốn, Hải Đới tất cả đều 100 lần. Nhục Phiến Môn 10 lần. Dùng vỏ cây Đào, gừng sống, muối Phi, Dầu thơm, Tán thiêu phần, hòa vào mà bôi thì yên. Hơ lửa ở 2 đầu gối, 2 khớp (Hông) Quy Vĩ.

+ Thứ 28 - Nhuyễn cước kinh:

Chân mềm hướng về phía sau múa loạn. Day rốn.

Đốt ở trên xương loa sư, cạnh gập nối với gân 2 mỗi. Đốt ở rốn 4 mỗi, dưới hầu 3 mỗi.

+ Thứ 29 - Trục thủ kinh:

Hai bàn tay xòe riêng từng ngón như chết. Ngón xuôi thẳng xuống. Trước hết đẩy ở giữa lòng mày, rồi dùng Ngải đốt 4 mỗi. Đẩy Tam Quan, vận Khúc Tri đều 50 lần, Day Nhất Oa phong 100 lần. Sau hơ ở Tổng cân 4 mỗi Trên mu bàn tay 4 mỗi.

+ Thứ 30 - Nê hôn kinh:

Hôn trầm, bất tỉnh nhân sự. Không biết việc gì xung quanh. Đẩy Tam Quan, vận Bát Quái, Đẩy Phế Kinh, Thanh thiên hà Thủy đều 100 lần. Bỏ Tý thổ 500 lần, Nhân Trung, Giáp Xa, sau đó đốt ở giữa mu bàn tay, tổng cân. Hải Đới đều 1 mỗi.

+ Thứ 31- Lưỡng thù kinh:

Hai tay đưa về phía trước hình chữ Y. Nhớ bấm 2 tay sau đốt giữa mu bàn tay, Tổng Cân, Tín Môn thì khởi:

+ Thứ 32 - Đỗ thống kinh:

Đẩy Tam Quan. Bỏ Tý thổ, Nhị phiên môn, Hoàng phong nhập động. Đẩy Đại Trường kinh, day rốn, day Quy Vĩ tất cả đều 100 lần. Tháng sau lại phát, bụng đa khí cấp, đốt ở giữa rốn 1 mỗi Ngải thì khởi. Nếu chưa khởi, đốt ở 4 mỗi ở rốn.

Bổ di

補遺

(Thêm cái bỏ quên)

+ Hải nhi kinh:

Chân tay co lại, trước cười sau khóc, mắt sáng, Gân hồng trắng: Khó chữa. Tím vàng: Không trở ngại.

Bấm Thái Âm, Thái Dương, dùng Hoàng Mã 1 thúc (nắm) đốt thành than thổi vào trong mũi, chưa tỉnh thì bấm vào ngón tay giữa.

+ Tê phong kinh:

Nhớ bấm ở Thái Âm, Thái Dương. Ngày Thái Dương hồng. Lấy dấm tốt đặc 1 chén, luyện Thiệu phần vào. Trị các chỗ mạch hồng. Ngày Thái Âm mà hồng, thì đốt hơ ở Qui Vĩ và huyết Thiên Tâm 1 mỗi. Có nôn thì bấm Hoàn Hôn Môn, tả thì bấm ngón giữa. Ngày đầu, tính là ngày Thái Dương, Ngày thứ 2 tính là ngày Thái Âm, sau đó cứ thế mà tính. Dùng Hoàng Mã đốt thành than thổi vào trong mũi. Bấm ngón tay giữa.

+ Thủy kinh:

Mắt trắng dã, khoe mắt nổi viên vàng. Lấy Thiệu phần, phi muối đầu trong đun cho khô, xoa vào Ngũ Tâm, góc khoe mắt, Thiên Tâm, Thái Dương, Thái Âm, Bấm từ 3 đến 5 lần khởi ngay.

+ Đỗ trưởng kinh:

Khóc đêm, trên bụng nổi gân xanh, bụng chướng như trống. Lấy gừng sống, Thiệu Phần, vỏ Đào, muối phi trộn đều bôi vào giữa sống mũi và lòng mày. Hơ ở giữa mày, Thái Dương não môn, đều 4 mỗi, dưới hầu 1 mỗi, giữa Tâm 3 mỗi, hơ ở rốn 4 mỗi.

Phạm phép xem kinh, bấm cân, xem tại huyết não, trước hết lấy huyết chủ của bệnh đó, lấy tay bấm 3 lần, sau lấy các huyết khác, đều làm theo 3 lần, hoặc bấm, hoặc day. Mỗi ngày xem, bấm 4 lần là bệnh lui ngay.

Chư huyết trị pháp

諸穴治法

(Phép chữa các huyết khác)

Ở vắn trong đốt 1 đầu ngón giữa tay, bấm đó chỉ tả, bấm 2 lần rồi day.

- Huyết Dương Khê, day xuống phía mu bàn tay, trị trẻ em (Trai) ỉa chảy, con gái ngược lại.

- Sau huyết Đại Lăng 5 phân là huyết Tổng Cân, trị Thiên Điều Kinh, bấm day xuống dưới. Đối với Khản Địa Kinh thì bấm đuổi lên, Con gái cũng bấm giống như thế.

- Huyết Bàn Môn, đẩy ra phía ngoài làm lui nhiệt trừ bách bệnh. Đẩy vào phía trong trị tứ chi co nhẩy. Lấy ngón cái, nhiệt của Thầy thuốc, gọi là Long nhập Hổ Khẩu, dùng tay nắm ngón út tay của trẻ, gọi là Thương Long, Giao Vĩ.

- Kinh: Day ngón cái chân, bấm ở giữa ngón chân, quá móng 1 ít (Dùng trên móng)

Bệnh chứng tử sinh ca

病症死生歌

(Bài ca về chứng bệnh sống chết)

- Tay chân đều theo khí Vy, Tỳ. Tròng mắt đi với Thận thông thần. Hai tai đều được liên quan đến. Cần biết trên dưới lý phân minh.

Hải nhi tình ngay mới vô sự. Tìm trong bàn tay ở ngón giữa Thanh khí buồn buồn người như cũ. Ở miệng và mắt nhìn chừng, mệnh khó dương. Miệng mắt méo lệch người dễ cứu, Tứ chi vô ứng không cần vội.

Thiên Tâm 1 điểm chế Bàng Quang. Bàng Quang, khí ôi (hư hổng) đau khó dương. Riêng Đan Điền, nếu khí tuyệt, bế tắc là mệnh trẻ không dài. Thiên hà Thủy biến nước trong là tốt. Dưới mắt không nên giao xung đen, trắng. Trong bàn tay nếu lạnh là khó cứu thoát. Tứ chi tê lạnh đúng là người chết.

Chim (Dương vật) cứng, hơi thở lạnh là hôn trầm. Tìm gân tím trên ngón tay. Chim cứng mà thở thô hoặc to nhỏ. Mắt vàng, ngón tay lạnh cần bàn lại (Điều Đình). Thận kinh Can Đâm cùng liên với nhau. Hàn, Thử giao nhau thêm làm cho cái đau nung nấu, Chung quanh vành rốn ở trên dưới toàn bằng lửa mất lác, tay co trong chớp mắt thì khó gặp người bên cạnh than vẫn có thể làm thương. Gân mới Hoành Vãn, thì dễ chữa. Nếu ở Khảm, Ly đúng là người chết. Thở tả đều chuyển ở gân trên. Hoành Môn hơi lửa 4 lần, trên huyết Thiên Tâm, chia cao thấp, Lại đem hơi trên huyết Loa Sư. Mũi liên Phế kinh mà biết về nó không mấy, kinh chết lên qua mí mắt trẻ em. Hỏa thịnh thương kinh thì đám trắng lên Tâm (huyết Tâm ở trán) Đây là nói về gân ở mũi. Răng vàng, miệng trắng, Mệnh Môn tắt lạng. Miệng, giữa họng co kéo thêm khí suyễn. Giống như chết là điểm báo hiệu nhân duyên. Cửa lỗ mũi đen không có gân mạnh là mệnh đang ở bên giấc mộng Nam Kha.

Biện tam quan

辨三關

(Phân biệt ở Tam quan)

- Phàm trẻ em: Tam Quan xanh là tứ túc kinh. Tam Quan đỏ là Thủy kinh, Tam Quan đen là Nhân kinh. Có mạch ở đó thông qua Tam Quan, là chứng cấp kinh đất chết. Các chứng khác thì còn có thể biết.
- Phong quan xanh như cá chích dễ chữa. Là mới bị kinh nhẹ, màu đen khó chữa.
- Khí quan, xanh như cá chích, chủ cảm lao, mình nóng thì dễ chữa, dùng bát bảo đan, mỗi ngày uống gia Sài Hồ, Hoàng Cầm. Sắc đen thì khó chữa.
- Mệnh quan xanh như cá chích, chủ về hư phong tà phụ Tỳ. Dùng tử kim đỉnh, mỗi lần uống gia Bạch Truật, Phục Linh, màu đen thì khó chữa.
- Phong quan màu xanh đen như cái kim treo lệch, là Thủy kinh dễ chữa.
- Khí quan như cái kim lệch, chủ cam, kiêm Phế tạng tích nhiệt. Dùng Bảo Mệnh đan, mỗi lần uống thì gia Đẳng Tâm, Trúc Diệp. Ở Mệnh Quan có như thế là chứng chết.
- Ở Phong Quan như hình chữ Thủy, chủ kinh phong nhập Phế, ho hắng mà mặt đỏ, dùng thể tiền đan.
- Mệnh quan như chữ Thủy, chủ kinh phong cam chứng, cực lực kinh. Dùng Lô Hội hoàn. Thông qua Tam Quan mà màu đen thì không chữa được.
- Phong quan như chữ Át () chủ kinh phong.
- Khí quan như chữ Át () chủ cấp kinh phong.
- Mệnh quan như chữ Át () chủ mạn kinh Tỳ phong, Xanh, Đen khó chữa.
- Phong quan như con giun co () chủ bệnh cam tích tụ.

Anh đồng tạp chứng

嬰童雜症

(Tạp bệnh của trẻ em)

Triều nhiệt phương (Bài thuốc chữa sốt về chiều)

Không gò bó ở trong phạm vi có mụn trong mồm và ngũ Tâm phiền nhiệt, lấy Ngô Thù Du 8 phân. Đẳng Tâm 1 bó, cho vào nước đảo nát thành bánh đắp vào lòng bàn chân, trai thì bên trái, gái thì bên phải, buộc lại. Sau khi sốt lui, đẩy Tam Quan 30 lần xuống dưới.

- 1) Hư ngược: Bỏ Tỳ thổ 400 lần, đẩy Tam Quan, vận Bát Quái đều 100 lần. Thanh thiên hạ Thủy 200 lần. Đẩy Tỳ thổ 300 lần, Phế kinh 400 lần.
- 2) Thực ngược: Là sốt rét do ăn uống. Đẩy Tam Quan, vận Bát Quái đều 100 lần. Thanh thiên hạ Thủy 200 lần. Đẩy Tỳ Thổ 300 lần, Phế kinh 400 lần.
- 3) Đàm ngược: Đẩy Phế kinh 400 lần. Đẩy Tam Quan, vận Bát Quái, bỏ Tỳ Thổ, Thanh thiên hạ Thủy đều 200 lần.

- 4) Tà ngược: Đẩy Phế kinh 400 lần, đẩy Tam Quan, Lục Phủ đều 300 lần, vận Bát Quái, bổ Tỳ Thổ, Thanh Thiên Hà Thủy đều 200 lần. Các thứ khác tùy chứng mà gia giảm. Ngũ tạng ở 4 ngón tay, Lục phủ ở đoạn 1 và đoạn 2 của ngón.
- 5) Ly đỏ, trắng cùng kiêm: Rét nóng không đều, cảm thành bệnh đỏ. Dùng nước Gừng sống, nước cỏ Mã Đề. Lại đẩy Tam Quan lui ở Lục Phủ, Thanh thiên hà thủy, Thủy Đề Lao Nguyệt, Phân Âm Dương.
- 6) Ly cấm khẩu: Vận Bát Quái để khai mở ngực và Âm Dương day ở rốn. Đẩy Tam Quan, lui ở Lục Phủ. Đại Trường kinh tất cả đều 100 lần. Thanh thiên hà Thủy 40 lần. Đẩy Tỳ Thổ 50 lần, Thủy đề lao nguyệt 10 lần. Phụng hoàng triển dực, ta dùng Tỏi mà đẩy, bổ Tỳ thổ, dùng Gừng mà đẩy.
- 7) Đầu đau: Đẩy Tam Quan, Phân Âm Dương, bổ Tỳ Thổ, day Đại Trường kinh, tất cả đều 100 lần. Hơ 7 mỗi, day Âm Trì 100 lần không dứt, bấm Dương Trì.
- 8) Đau bụng: Đẩy Tam Quan, Phân Âm Dương. Đẩy Tỳ thổ đều 100 lần. Day rốn 50 lần. Bụng chướng đẩy Đại Trường. Không dứt bấm huyết Thừa Môn.
- 9) Thấp tả, không có sôi bụng: Lui ở Lục Phủ, day rốn và Quy Vĩ đều 200 lần. Phân Âm Dương, đẩy Tỳ Thổ đều 100 lần, Thủy đề lao nguyệt 30 lần.
- 10) Ía chảy lạnh có sôi bụng: Đẩy Tam Quan 200 lần. Phân Âm Dương 100 lần. Đẩy Tỳ Thổ 50 lần. Hoàng Phong nhập động day rốn và Quy Vĩ đều 300 lần. Thiên Môn nhập Hổ Khẩu, day đầu khuỷu đều 30 lần.
- 11) Chữa cam tẩu mã trong miệng. Trên răng có nổi bào trắng. Lui ở Lục Phủ và phân Âm Dương đều 100 lần. Thủy đề Lao Nguyệt và Thanh thiên hà Thủy đều 30 lần. Phụng hoàng triển dực, đẩy xong như trên. Trước và sau đó dùng Hoàng Liên, Ngũ Bội Từ sắc nước. Lấy lông gà, rửa trong miệng bằng nước đó.

- Trẻ em: Mắt trợn trừng, ngón tay lạnh:

Lấy một chén Dấm, 1 quả Bồ Kết, đốt thành Than đã nhỏ dán vào lõm tim (Tâm Oa) nếu nôn thì bỏ thuốc. Lấy 7 hạt Đậu Xanh cho vào giã nhỏ hòa nước đái kiềm (niệu hàn) làm bánh, dán ở Tín Môn.

- Trẻ em tứ chi lạnh:

Lấy nửa đồng cân Phèn Chua (Minh Phèn) muối phi 3 đồng cân, Sáp vàng (Hoàng Lạp) 2 đc, trộn vào đắp lên rốn. Nếu khí cấp (Thở dồn dập) lấy Trúc Lịch vắt nước uống.

- Trẻ em: Nóng khắp người không giảm.

Lấy Phèn chua 1 đc, Kê Thanh (Dãi Gà) trộn đều đắp và Tứ Tâm (2 lòng bàn tay, 2 lòng bàn chân) thì lui ngay. Nếu không lui lấy 7 cái Đào Nhân, nửa chén rượu, nghiền nát đắp vào huyết Quý Nhẫn càng tốt.

- Trẻ em bụng chướng mà khát, mắt trợn trừng.

Dùng Gừng sống, 1 củ Hành, nửa chén rượu đã nát cho uống vào thì mắt không sáng (nhìn theo lóa mắt) Lại lấy Hùng Hoàng không kể nhiều, ít hơ nóng, đặt lên rốn day thì khỏi. Chân tê thì dùng tán ma sắc nước day và Tứ Tâm.

- Trẻ em bàng Quang khí:

Lấy một cục đất, 7 quả Bồ Kết đốt thành than, tán nhỏ, hòa với đất, dấm sao qua, làm thành bánh, đắp lên Vĩ Lư (?) thì dứt.

- Trẻ em Thủy thũng khắp người.

Lấy Hồ Quyền, Gạo Nếp, Đậu Xanh đều 7 hạt, đất 7 đồng cân Dấm 1 chén, sao qua, bỏ vào bao vải, xoa khắp người thì tiêu ngay.

- Trẻ em miệng không mở.

Lấy 1 đc Châu Sa, nghiền nhỏ thổi vào trong mũi thì khỏi.

- Trẻ em ho hắng.

Bấm ở đốt 1 ngón giữa 3 cái, nếu mất xuôi xuống bấm 4 lòng bàn tay, bàn chân.

- Trẻ em mình máy động.

Day Thận Can và day Tứ Tâm (Ở mu bàn tay, bàn chân)

- Trẻ em thờ có tiếng kêu trong hầu.

Bấm ngón cái, đốt thứ 2.

Chẩn mạch ca 診脈歌

Trẻ em có bệnh cần căn cứ vào mạch, một ngón tay lẫn ở Tam Quan, đúng 1 nhịp thở, Mạch số thường là kinh, Mạch phù hồng là Phong thịnh. Trầm trì là hư lãnh, Thực là có tích.

Trẻ em từ 1 đến 3 tuổi, 1 nhịp thở, có 8 chỉ là được, 9 chỉ là không yên, 10 chỉ là khôn khó. Đoán trường, đại tiểu tiện là có tà khí Can phạm.

Trẻ em mạch Khẩn là phong giản, mạch Trầm đưa đến khí hóa khó. Đau bụng thì mạch Khẩn, Huyền, Lao, Thực tất cả.

Trầm mà số là trong xương có hàn. Trẻ em mạch Đại thường phong nhiệt. Trầm mà nặng tay thường do ăn sữa bị kết. Huyền trường là phong ở Can, Đam. Khẩn số là kinh phong 4 ngón tay co lại. Phù Hồng là cổ tay da dày như lửa đốt. Trầm Khẩn là trong bụng đau không dứt. Hư như có khí là kiềm kinh (sợ). Hạch loạn thường Ly và ỉa ra máu. Trước to, sau nhỏ là mạch thuận với trẻ em. Trước nhỏ, sau to là khí yết (Mất tiếng) Tứ chỉ lại hồng là phiền mãn. Trầm Ty là trong họng đau như cắt. Hoạt chủ về sương lạnh, Âm làm thương, Huyền, Trường là khách ngu, nói rõ ràng. Ngũ chỉ đêm Trầm, ngày Phù Đại. Lục chỉ đêm Ty, ngày Phù.

Tức số trung bình là 8 chỉ. Đó là người tiên đề lại diệu quyết.

Thức bệnh ca 識病歌 (Bài ca về biết bệnh)

Cần xem Hồ Khẩu, Khí văn mạch.

Trở ngón xem văn, phân Ngũ sắc.

Vàng, Hồng: An lạc ngũ tạng hòa.

Hồng, Tím: Mỏng, Thừa, có tổn hại.

Tím, Xanh: Thương thực, khí hư phiền.

Màu Xanh, khí đỏ, chứng hậu nghịch.

Đột nhiên thuần đơn ở chỗ này.

Tay giỏi chữa người Tâm, Đạm hàn.

Nếu mà thẳng lên đến Phong Quan.

Nhanh, Chậm, Ngắn, Dài phân hai đầu.

Gân như mác phong, kinh phong đến.
 Phân ra cành lá có nhiều loại.
 Uẩn vòng vào: Thuận, Cong ra: Nghịch.
 Thuận, nghịch giao liên, bệnh đã khó.
 Đầu chia dài, ngắn: Không thể cứu (chữ Y)
 Như thế, thầy phải xem tỉ mỉ.
 + Con trai 2 tuổi gọi là “Anh”.
 Ba tuổi, bài tuổi “Sơ” là danh.
 Năm tuổi, sáu tuổi là “Thiếu Trưởng”.
 Bảy tuổi, tám tuổi mới đi học.
 Đến chín, mười tuổi gọi là “Đồng”.
 + Trăm bệnh phân biệt ở nguyên nhân.
 Mười một chứng giản, phép điền phong.
 Bệnh cam, không giống bệnh lao công.
 Bĩ tích, đúng là trăm tích chướng.
 + Về chứng triệu nhiệt không giống nhau.
 Thoạt xem trong lòng tay có nóng.
 Là biết thân thể nhiệt theo cùng.
 Bụng nóng, chân lạnh là thương thực.
 Chân lạnh, trán nóng là cầu phong.
 Trán lạnh, chân nóng kinh sẽ mất.
 Nhọt, sởi khí phát sau tai hồng.
 + Trẻ em có tích nên làm tan.
 Thương hàn hai loại giải làm trước.
 Khi bị thực tả (ỉa do ăn), nên cho tích.
 Lạnh tả nên dùng cách ôn Tỳ.
 Trẻ em nên giữ sáp tạng phủ.
 Trước lấy tân đới thương nó đi.
 + Trẻ đang vô sự, tự kêu to.
 Không phải kinh phong thì thiếu điều.
 Kêu to khi thức tiếng dài, thô.
 Ăn nhằm nhiệt độc, đau Tâm Khiếu.
 Cấp trị sau bụng (lưng) phân dưới Tỳ.
 Nếu bảo kinh giản rất đáng chê.
 + Bệnh lý khi rặn chau đầu núi.
 Không rặn, không chau (chau): Trường có phong.
 Lạnh nhiệt không đều chia trắng đỏ.
 Thoát giang, đo nhiệt, độc cũng công.
 Mười hai chứng lý chứng nào ác.
 Cầm khẩu, loạn trường rất khác nhau.
 + Trẻ em không bệnh, không tháo hạ.
 Lạnh, Nóng, Mô hôi (Tự hãn), kiêm tự hạ (ỉa)
 Thần do não lôm, tứ chi lạnh.

Nôn khan, khí hư, thần sợ mát.
 Khí cam, triều nhiệt, ăn không hòa.
 Mũi tắc, ho hắng và hư đàm.
 Mạch tế, ruột sôi, vật vã lạ.
 Nếu lại có bí, nên thông ngay.
 Đến khi hạ được (ia), trên tâm thoát.
 + Trẻ em ăn nóng không phòng hạ (ia)
 Mặt Đỏ, Xanh, Hồng: khí Tráng cường.
 Mạch Huyền, sắc Hồng: Giữa bụng nhiệt.
 Quai bị, đau bụng: Nước đái nóng.
 Đái cứng, bụng chướng, tức mạng sườn.
 Tứ chi phù thũng, đêm khóc dài.
 Khắp người sinh nhọt, bụng cấp đau.
 Hạ rồi (ia xong) tắt khỏi là hay.

Còn các mục không định là: (Chưa dịch)

- Chư chứng trị pháp. 諸症治法
- Trần thị kinh mạch biện sắc ca. 陳氏經脈辨色歌
- Luận hư thực nhị chứng ca. 論虛實二症歌
- Ngũ ngôn ca. 五言歌
- Phụ biện. 附辯
- Ích.